Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương
19.12.2022 16:18:10 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 379 /BC-UBND	*Bình Dương, ngày 19 tháng 12 năm 2022*

BÁO CÁO
Công tác cải cách hành chính năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2023

Thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030 theo Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ; Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 02/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2025 và Kế hoạch cải cách hành chính năm 2022 của tỉnh Bình Dương; Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương báo cáo kết quả công tác cải cách hành chính năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2023, cụ thể như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Đánh giá về các hoạt động chỉ đạo, điều hành nổi bật đối với công tác cải cách hành chính (CCHC)

Nhằm triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ và Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 02/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch CCHC nhà nước tỉnh Bình Dương giai đoạn 2021 – 2025 và Kế hoạch CCHC nhà nước năm 2022 với mục tiêu chung là: Xây dựng nền hành chính tỉnh Bình Dương dân chủ, chuyên nghiệp, hiện đại, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, phục vụ nhân dân; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có đủ phẩm chất, năng lực, trình độ theo vị trí việc làm, có uy tín đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, phù hợp với quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước; góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Bình Dương lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025 và xây dựng Bình Dương phát triển bền vững theo hướng đô thị thông minh, văn minh, hiện đại. Nội dung của các Kế hoạch CCHC nhà nước tỉnh Bình Dương đã bám sát các nội dung của Nghị quyết số 76/NQ-CP và có bổ sung cho phù hợp với tình hình, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh (bên cạnh 06 nội dung của Nghị quyết số 76/NQ-CP, tỉnh Bình Dương bổ sung thêm nội dung về công tác chỉ đạo, điều hành CCHC). Trọng tâm công tác CCHC nhà nước tỉnh Bình Dương giai đoạn 2021-2025 được xác định là: Tăng cường công tác chỉ đạo điều hành CCHC; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và chất lượng phục vụ của các cơ quan hành chính nhà nước; xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số. Trên cơ sở nội dung của Kế hoạch, tỉnh đã cụ thể hóa thành các nhiệm vụ để các sở, ngành tập trung triển khai thực hiện trong năm 2022.

Năm 2022, các cấp, các ngành trên địa bàn tỉnh đã nỗ lực, tập trung, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo triển khai đồng bộ các nhiệm vụ CCHC. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành quyết định thành lập Ban Chỉ đạo CCHC; thường xuyên tổ chức các cuộc họp với các sở, ngành, địa phương để nắm bắt tiến độ thực hiện; tập trung tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc của các cơ quan, đơn vị, địa phương

trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ CCHC, qua đó đề ra các giải pháp thực hiện hiệu quả trong năm 2022.

Bên cạnh đó, tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ CCHC năm 2022 đảm bảo tiến độ, yêu cầu theo quy định ***(có Phụ lục 1 kèm theo).***

2. Đánh giá, cập nhật tiến độ thực hiện Kế hoạch CCHC năm 2022

Để triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả Kế hoạch CCHC nhà nước tỉnh Bình Dương giai đoạn 2021-2025 và năm 2022, Ủy ban nhân dân tỉnh đã tổ chức Hội nghị trực tuyến triển khai cho Lãnh đạo các sở, ngành tỉnh; Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh.

Kế hoạch CCHC năm 2022 trên của tỉnh đã xác định 40 nhiệm vụ trọng tâm cần triển khai thực hiện trong năm 2022. Kết thúc năm Kế hoạch, tỉnh đã hoàn thành 40/40 nhiệm vụ, đạt 100% kế hoạch đề ra.

Căn cứ Kế hoạch CCHC năm 2022 của tỉnh và chức năng, nhiệm vụ được giao, các cơ quan, đơn vị, địa phương đã xây dựng và ban hành Kế hoạch của đơn vị, địa phương mình đảm bảo đầy đủ các nội dung trọng tâm công tác CCHC. Đến nay, 100% các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện đã xây dựng Kế hoạch CCHC năm 2022.

3. Đánh giá về công tác kiểm tra CCHC

Ngày 11/5/2022, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 2150/KH-UBND về kiểm tra công tác CCHC năm 2022 trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Nội dung kiểm tra về công tác CCHC chung và lồng ghép, kết hợp với kiểm tra các chuyên đề về kiểm soát thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, áp dụng, duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO…

Kết thúc năm 2022, Đoàn kiểm tra công tác CCHC của tỉnh đã thực hiện kiểm tra đối với 45 đơn vị, địa phương, trong đó có 12 đơn vị kiểm tra về công tác CCHC chung và 33 đơn vị kiểm tra chuyên đề ISO (đạt 100% kế hoạch đề ra). Sau kiểm tra, Trưởng Đoàn kiểm tra ban hành Thông báo kết luận kiểm tra công tác CCHC tại 12 đơn vị nêu trên; các đơn vị được kiểm tra đã có báo cáo khắc phục những tồn tại, hạn chế, thiếu sót của đơn vị. Đoàn kiểm tra đã báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình, kết quả kiểm tra, đồng thời đề nghị các cơ quan, đơn vị được kiểm tra có biện pháp chấn chỉnh, khắc phục những hạn chế, tồn tại.

4. Về công tác thông tin, tuyên truyền CCHC

Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo và giao Sở Nội vụ phối hợp với các đơn vị, địa phương tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến các nội dung CCHC bằng nhiều hình thức phong phú, phù hợp với từng đối tượng và tình hình thực tế của địa phương. Kết quả công tác thông tin, tuyên truyền CCHC năm 2022 như sau:

- Đài Phát thanh và Truyền hình Bình Dương đã xây dựng và phát sóng 53 Chuyên đề CCHC (12p/1 chuyên đề) và các tin tức hoạt động, sự kiện, phóng sự, tọa đàm liên quan đến công tác CCHC cụ thể như: Bình Dương dẫn đầu khu vực Đông Nam bộ về chỉ số CCHC năm 2021; Nhiều TTHC được cải cách vì quyền lợi của người dân; Bình Dương nâng cao hiệu quả CCHC; CCHC tại Xã Tân Định - Bắc Tân Uyên; Bình Dương giúp người dân dễ tiếp cận hơn với dịch vụ công trực

tuyến; Bình Dương đẩy mạnh công tác chuyển đổi số; Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Thuận An chính thức đi vào hoạt động; Bình Dương lấy người dân làm trọng tâm trong CCHC (Chuyển đổi số); Bình Dương vận dụng nhiều mô hình nhằm đẩy mạnh CCHC; Bình Dương phủ sóng WIFI để đẩy mạnh xây dựng chính quyền điện tử; Bình Dương tháo gỡ khó khăn trong CCHC; Bình Dương hiện đại hóa nền hành chính phục vụ người dân, doanh nghiệp; Bình Dương đẩy mạnh CCHC nhằm hướng đến chính quyền phục vụ; Bình Dương CCHC theo hướng chính quyền số; Hiệu quả từ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4; Người dân làm trung tâm phục vụ trong CCHC; Đổi mới tư duy, lề lối làm việc trong CCHC; Bình Dương tiếp tục phát huy tính hiệu quả từ mô hình trung tâm hành chính công và cơ chế một cửa, một cửa liên thông; Bình Dương lấy sự hài lòng của người dân làm thước đo phục vụ; Bình Dương quyết liệt đẩy mạnh công tác CCHC; Cục Thuế Bình Dương ứng dụng triệt để Công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý thuế - Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp; Bình Dương triển khai "cao điểm 45 ngày đêm" thực hiện đề án 06; CCHC góp phần hoàn thành mục tiêu kinh tế - xã hội 2022; Bình Dương triển khai thí điểm Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

- Báo Bình Dương đã tuyên truyền 69 bài, 167 tin, 12 chuyên đề giao lưu trực tuyến, phóng sự truyền hình về CCHC. Bên cạnh đó, Báo Bình Dương vẫn duy trì chuyên trang "Chung tay Cải cách hành chính" xuất bản vào ngày thứ 5 hàng tuần; phóng sự, giao lưu trực tuyến trên Báo Bình Dương điện tử. Nội dung tuyên truyền tập trung vào việc giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông hiện đại cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã; công tác rà soát, bổ sung các TTHC mới; Nghị định số 61/2018/NĐ-CP về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính của Chính phủ; triển khai các kế hoạch giải quyết TTHC thời 4.0, tiến tới xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số ở Bình Dương… Nhiều bài viết đã phản ánh kịp thời những thông tin liên quan về công tác CCHC ở các huyện, thị xã, thành phố, xã, phường, thị trấn, các cách làm hay trong chuyển đổi số… Từ đó tạo niềm tin giữa người dân, doanh nghiệp với các cơ quan hành chính Nhà nước.

- Cổng thông tin điện tử tỉnh cũng đã đăng tải những tin tức, hình ảnh về các hoạt động CCHC.

- Tại cấp huyện, cấp xã: đã thực hiện nhiều biện pháp tuyên truyền, nội dung về kiểm soát thủ tục hành chính, cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông theo kế hoạch hàng năm; tuyên truyền về thực hiện chính quyền thân thiện của dân, do dân và vì dân và công sở thân thiện vì nhân dân phục vụ; tuyên truyền công tác Cải cách hành chính, cải cách thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4; chứng thực bản sao điện tử.... thông qua các trang mạng xã hội như Zalo, Facebook. Tổ chức Cuộc thi tìm hiểu pháp luật trực tuyến. Trung tâm văn hóa thể thao và truyền thanh cấp huyện, cấp xã thực hiện tuyên truyền các tin, bài, phóng sự các loại liên quan đến công CCHC và phát sóng các nội dung này trên hệ thống Đài truyền thanh cấp huyện, cấp xã. Nội dung tuyên truyền tập trung về những TTHC và hiệu quả mang lại của việc CCHC của các đơn vị thông qua chương trình thời sự và chuyên mục chính sách pháp luật, các TTHC đủ điều kiện thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4... Tuyên truyền các tin, bài, phóng sự các loại liên quan đến thực hiện chính quyền thân thiện, công sở thân thiện và phát sóng các nội

dung này trên hệ thống Đài truyền thanh từ cấp huyện và tiếp âm, phát sóng trong chương trình địa phương.

- Cổng Thông tin điện tử cấp huyện đã thực hiện liên kết đường link với Cổng Thông tin Hành chính công tỉnh Bình Dương và các xã, phường, thị trấn để phục vụ cho người dân, doanh nghiệp dễ dàng tìm hiểu thông tin về thủ tục hành chính, cung cấp lịch làm việc, địa chỉ hộp thư điện tử, địa chỉ liên lạc của các phòng ban, xã, phường; kịp thời cập nhật các thông tin, sự kiện để người dân nắm bắt; Kế hoạch thực hiện "Ngày Pháp luật" được công khai tạo điều kiện thuận lợi hơn cho người dân, doanh nghiệp theo dõi, giám sát hoạt động CCHC và thực thi các thủ tục hành chính tại các cơ quan, đơn vị, xã, phường.

5. Tổng hợp, cập nhật tiến độ, kết quả thực hiện các nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao

Ủy ban nhân dân tỉnh được giao 145 nhiệm vụ trên hệ thống, đã triển khai 145/145 nhiệm vụ, trong đó đã hoàn thành 126 nhiệm vụ, đạt 86,89 %. Hiện nay Ủy ban nhân dân tỉnh đang tập trung đôn đốc, chỉ đạo triển khai thực hiện 19 nhiệm vụ còn lại.

- Tổng số nhiệm vụ được giao: 145

- Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn: 126.

- Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn: 0.

- Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành: 0.

6. Đánh giá về những mô hình, sáng kiến, giải pháp mới trong CCHC được thí điểm, nhân rộng và triển khai có hiệu quả tại địa phương

Hiện nay, tỉnh Bình Dương đang tiếp tục áp dụng các mô hình, sáng kiến, giải pháp trong CCHC được Bộ Nội vụ công nhận tại kết quả chấm điểm Chỉ số CCHC năm 2021 và đã phát huy hiệu quả, như: Hệ thống đường dây nóng 1022 của Bình Dương phục vụ người dân 24/7; Thực hiện giải pháp áp dụng thanh toán không dùng tiền mặt khi giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Bình Dương; Triển khai dịch vụ công chứng thực bản sao điện tử từ bản chính trên cổng dịch vụ công Quốc gia trên địa bàn tỉnh Bình Dương; Thực hiện thí điểm liên thông thủ tục hành chính cấp phiếu lý lịch tư pháp và Giấy phép lao động cho người nước ngoài đang cư trú và làm việc trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Năm 2022, tỉnh Bình Dương có các mô hình, sáng kiến, giải pháp mới trong CCHC, đem lại hiệu quả cao tại tỉnh như:

- Thành lập và đưa vào hoạt động Trung tâm Giám sát, Điều hành thông minh, có chức năng thu thập cơ sở dữ liệu chuyên ngành của các cơ quan, đơn vị (hơn 1.000 chỉ số ở 25 lĩnh vực kinh tế - xã hội của tỉnh) phục vụ đắc lực trong quá trình giám sát, điều hành công việc về mọi mặt hoạt động kinh tế - xã hội của lãnh đạo tỉnh góp phần nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp và hiệu quả hoạt động của cơ quan nhà nước, thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển bền vững. Xây dựng thí điểm ứng dụng App phục vụ người dân, doanh nghiệp; thí điểm nền tảng phân tích dự báo; thí điểm nền tảng AI về nhận dạng khuôn mặt, đám đông và các vi phạm giao thông.

- Tổ công nghệ số cộng đồng: Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 4862/KH-UBND ngày 19/9/2022 về việc Triển khai Tổ công nghệ số cộng đồng tỉnh Bình Dương. Đến thời điểm hiện tại, các Tổ công nghệ số cộng đồng đã đạt được kết quả bước đầu như:

+ Toàn tỉnh đã thành lập 585 Tổ công nghệ số cộng đồng với tổng số thành viên là 2992 người, các Tổ công nghệ số cộng đồng đã được thành lập thuộc thành phần các Tổ của khu, ấp. Trong giai đoạn tiếp theo sẽ tiếp tục thúc đẩy thành lập Tổ công nghệ số cộng đồng cho các đối tượng còn lại được phê duyệt theo nội dung Kế hoạch số 4862/KH-UBND.

+ Các thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng đã được bồi dưỡng, tập huấn về kiến thức chuyển đổi số, kỹ năng số và các kỹ năng cần thiết trong quá trình hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng như: Tổng quan về Tổ công nghệ số cộng đồng, hình thức triển khai và các nội dung triển khai theo Công văn số 4510/BTTTT-CĐSQG của Bộ Thông tin và Truyền thông; thanh toán không dùng tiền mặt; Hướng dẫn sử dụng các ứng dụng chuyển đổi số như: Viettel money, VNPT money, Sàn thương mại điện tử Voso, Postmart, địa chỉ số, trình duyệt Cốc Cốc; Hướng dẫn thành viên các Tổ công nghệ số cộng đồng về cách thức hoạt động trên môi trường mạng xã hội.

+ Từ công tác triển khai Tổ công nghệ số cộng đồng thiết thực, hiện nay thành viên các Tổ công nghệ số cộng đồng đang là lực lượng nòng cốt trong công tác hỗ trợ cho người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh tiếp cận, thực hiện chuyển đổi số thông qua các việc làm thiết thực như tạo lập tài khoản DVC trực tuyến, Định danh điện tử, ứng dụng thanh toán không dùng tiền mặt và các nền tảng, ứng dụng chuyển đổi số hữu ích trong cuộc sống hằng ngày.

- Chuyển đổi số doanh nghiệp: Ngày 12/10/2022, tỉnh Bình Dương đã tổ chức Hội thảo "Định hướng chuyển đổi số doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Bình Dương" với mục đích của Hội thảo lần này nhằm thông tin đến doanh nghiệp về chuyển đổi số để phát triển theo xu hướng chung của cả nước và các chủ trương, chính sách của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh về chuyển đổi số, xây dựng kinh tế số; giới thiệu một số lộ trình, giải pháp chuyển đổi số theo từng hoàn cảnh, điều kiện cụ thể của các doanh nghiệp; kết nối các doanh nghiệp nhỏ và vừa, tạo điều kiện thu thập dữ liệu về hiện trạng, nhu cầu chuyển đổi số, tạo nền tảng cho công tác tư vấn các mô hình chuyển đổi số sau này.

Thông qua Hội thảo đã giúp nâng cao hơn nữa nhận thức chuyển đổi số đến doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Bình Dương, đồng thời cung cấp một số định hướng giúp doanh nghiệp nhỏ và vừa từng bước thực hiện tối ưu hóa hoạt động, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, nâng cao năng lực và lợi thế cạnh tranh, tạo ra các giá trị mới cho doanh nghiệp, góp phần phát triển kinh tế số quốc gia và trong từng ngành, lĩnh vực tại địa phương.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Cải cách thể chế

a) Kết quả xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật

Năm 2022, Ủy ban nhân dân tỉnh đã triển khai thực hiện tốt Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015 *(sửa đổi, bổ sung năm 2020)*, Nghị định số 34/2016/NĐ-

CP và ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản QPPL trên địa bàn tỉnh *(sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP)*. Công tác xây dựng và ban hành văn bản QPPL trên địa bàn tỉnh trong năm 2022 cơ bản đi vào nề nếp. Đến ngày 05/12/2022, tỉnh Bình Dương đã ban hành 44 văn bản QPPL (gồm: 06 Nghị quyết của HĐND tỉnh và 38 Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh). Các văn bản QPPL được ban hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định, đảm bảo tính thống nhất, hợp hiến, hợp pháp, tính khả thi, phù hợp với tình hình thực tiễn tại địa phương. Các chủ trương chính sách của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh đã được thể chế hóa bằng Nghị quyết, Quyết định QPPL một cách kịp thời, đồng bộ với chính sách của các bộ, ngành Trung ương, phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương, đáp ứng yêu cầu quản lý, điều hành của chính quyền địa phương bằng pháp luật, tác động tích cực đến kết quả thực hiện các nhiệm vụ trong công tác; đảm bảo tính công khai, minh bạch trong xây dựng và thực thi chính sách, pháp luật.

Công tác góp ý, thẩm định văn bản QPPL: Sở Tư pháp đã thực hiện thẩm định 64 lượt dự thảo văn bản QPPL (tăng 8,4% so với năm 2021); 153 lượt góp ý dự thảo văn bản QPPL (tăng 78% so với năm 2021), đạt 100% văn bản gửi đến Sở Tư pháp.

b) Kết quả tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi thi hành pháp luật

Công tác tổ chức thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh được triển khai thực hiện tốt. Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các đơn vị, địa phương trong toàn tỉnh thường xuyên quan tâm, tổ chức tuyên truyền, phổ biến, quán triệt, tập huấn, giải thích quy định của các văn bản pháp luật mới được ban hành đến đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, bảo đảm thực hiện đúng, đầy đủ các quy định pháp luật; ban hành Kế hoạch số 494/KH-UBND ngày 28/11/2022 về phổ biến giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, chuẩn tiếp cận pháp luật, trong đó giao các sở, ban, ngành tỉnh tập trung tuyên truyền phổ biến, quán triệt nội dung Hiến pháp năm 2013, các Luật, pháp lệnh, văn bản mới có hiệu lực thi hành trong năm 2022.

Trong năm 2022, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành kịp thời, đầy đủ các kế hoạch triển khai thực hiện công tác theo dõi tình hình THPL năm 2022[1] và giao Sở Tư pháp hướng dẫn, đôn đốc Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các Sở, ngành xây dựng Kế hoạch công tác TDTHPL lĩnh vực trọng tâm, liên ngành của ngành, địa phương năm 2022. Căn cứ Kế hoạch đề ra, Sở Tư pháp phối hợp với đơn vị, địa phương tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tiến hành các hoạt động theo dõi THPL như: Rà soát các văn bản QPPL do Trung ương và HĐND, UBND tỉnh ban hành có liên quan đến thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân, người lao động, người sử dụng lao động, doanh nghiệp, hợp tác xã trong bối cảnh dịch Covid-19 (trên cơ sở Danh mục văn bản QPPL trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành năm 2022 do Bộ Tư pháp ban hành); rà soát văn bản pháp luật do Trung ương và HĐND, UBND tỉnh ban hành thuộc lĩnh vực phổ biến, giáo dục pháp luật (lĩnh vực trọng tâm của ngành tư pháp năm 2022); thực hiện hoạt động điều tra khảo sát tình hình thi hành Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012; thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành kiểm tra tình hình thi hành pháp luật về thực hiện các chính sách hỗ trợ

---

[1] Kế hoạch số 353/KH-UBND ngày 21/01/2022 theo dõi tình hình THPL trên địa bàn tỉnh năm 2022 và Kế hoạch số 948/KH-UBND ngày 04/3/2022 theo dõi tình hình THPL trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

trong bối cảnh dịch Covid-19 và công tác bồi thường nhà nước trên địa bàn tỉnh năm 2022. Báo cáo tổng kết 10 năm thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

c) Kết quả thực hiện tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật

Ủy ban nhân dân tỉnh và Hội đồng PBGDPL tỉnh ban hành các văn bản hướng dẫn, đôn đốc, tổ chức triển khai các nhiệm vụ liên quan đến công tác PBGDPL; ban hành Kế hoạch số 5409/KH-UBND ngày 13/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về kiểm tra tình hình thực hiện công tác PBGDPL, hòa giải cơ sở, chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2022 trên địa bàn tỉnh, Kế hoạch số 2906/KH-UBND ngày 13/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai, thực hiện Đề án "*Tổ chức truyền thông chính sách có tác động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật giai đoạn 2022 - 2027*" trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Tổ chức tổng kết 10 năm Luật PBGDPL[2]. Tiếp tục tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và thực hiện chuyển đổi số trong công tác PBGDPL, như: đẩy mạnh tuyên truyền trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh và các trang thông tin điện tử của sở, ngành, địa phương[3], các trang mạng xã hội Zalo, Facebook; tổ chức cuộc thi "tìm hiểu pháp luật trực tuyến trên Internet" của tỉnh Bình Dương năm 2022 thu hút 26.436 thí sinh tham gia dự thi với 71.696 lượt dự thi; tuyên truyền các thông tin, chính sách pháp luật quan trọng qua ứng dụng nhắn tin tự động đến zalo của công dân trên địa bàn tỉnh với Brandname "Binh Duong SmartCity"; tập trung nguồn lực xây dựng Cổng thông tin điện tử về PBGDPL tỉnh Bình Dương.

Trong năm 2022, toàn tỉnh đã tuyên truyền được 11.458 cuộc với 686.884 lượt người dự, in ấn và cấp phát được 1.174.246 tài liệu tuyên truyền pháp luật; tổ chức 164 cuộc thi tìm hiểu pháp luật với 221.695 lượt người tham gia[4]. Tiếp tục đẩy mạnh việc tuyên truyền, PBGDPL trên các phương tiện thông tin đại chúng. Sở Tư pháp đã thực hiện 26 chương trình PBGDPL trên chuyên mục truyền hình "Pháp luật và cuộc sống"; 52 chương trình tư vấn pháp luật trực tiếp trên sóng phát thanh 92,5MHZ; thông tin văn bản mới, giải đáp pháp luật trên trang thông tin pháp luật của Báo Bình Dương; thực hiện 52 chương trình "Người dân với pháp luật" phát sóng hàng tuần thông qua Đài truyền thanh 09 huyện thị và hệ thống loa truyền thanh cơ sở của 91 xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh với hình thức chủ yếu về tọa đàm, câu chuyện truyền thanh và tư vấn pháp luật; thực hiện tuyên tuyền pháp luật trên Báo Bình Dương online.

Tiếp tục thực hiện Kết luận số 80-KL/TW ngày 20/6/2020 của Ban Bí thư; Quyết định số 1521/QĐ-TTg ngày 06/10/2020 của Thủ tướng Chính phủ và chỉ đạo của Tỉnh ủy[5], Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương đã chỉ đạo các sở, ngành, địa phương tiếp tục đổi mới nội dung, hình thức PBGDPL bảo đảm phù hợp với nhu

---

[2] Báo cáo số 247/BC-UBND ngày 21/9/2022 tổng kết 10 năm thực hiện Luật PBGDPL trên địa bàn tỉnh Bình Dương; Công văn số 2036/STP-VBTT ngày 31/10/2022 của Sở Tư pháp v/v đề nghị khen thưởng tổng kết 10 năm Luật PBGDPL và Đề án "Nâng cao năng lực đội ngũ hòa giải viên ở cơ sở giai đoạn 2019-2022" gửi các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp huyện

[3] Toàn tỉnh đã xây dựng 12 chuyên trang, chuyên mục trên cổng thông tin điện tử của tỉnh, các trang thông tin điện tử của các huyện, thị xã, thành phố, Sở Tư pháp và Báo Bình Dương online.

[4] Các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh đã tổ chức 5.289 cuộc PBGDPL trực tiếp, thu hút 344.612 lượt người tham dự; 26 cuộc thi tìm hiểu pháp luật với 56.612 lượt người tham gia; cấp phát 623.386 tài liệu pháp luật.
UBND các xã, phường, thị trấn đã thực hiện 5.744 cuộc PBGDPL trực tiếp, 302.222 lượt người tham dự; tổ chức 128 cuộc thi tìm hiểu pháp luật có 20.457 lượt người tham gia; cấp phát 454.838 tài liệu pháp luật.

[5] Công văn 3063 – CV/TU ngày 25/8/2020 của Tỉnh ủy về việc triển khai Kết luận số 80-KL/TW ngày 20/6/2020 của Ban Bí thư; Kế hoạch số 5820/KH-UNND ngày 30/11/2020 về thực hiện Kết luận số 80-KL/TW ngày 20/6/2020 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân.

cầu xã hội và từng nhóm đối tượng, địa bàn; tổ chức triển khai công tác PBGDPL toàn diện, rộng khắp, hướng mạnh về cơ sở, phù hợp với đối tượng, địa bàn cụ thể gắn với việc xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; kịp thời thực hiện các Chương trình, Đề án về PBGDPL trong giai đoạn tiếp theo; tăng cường và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong công tác PBGDPL; huy động các nguồn lực xã hội tham gia công tác PBGDPL; Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận trong công tác PBGDPL.

d) Kết quả kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật:

- Công tác kiểm tra văn bản: Tỉnh đã chỉ đạo Sở Tư pháp tự kiểm tra 38/38 Quyết định do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành (tăng 137,5% so với năm 2021); kiểm tra theo thẩm quyền 16 văn bản QPPL do HĐND, UBND cấp huyện ban hành (tăng 6,7% so với cùng kỳ năm 2021); qua kiểm tra không phát hiện văn bản có sai sót về nội dung, thẩm quyền, thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản.

- Công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL: được thực hiện thường xuyên, kịp thời phát hiện văn bản hết hiệu lực thi hành hoặc không còn phù hợp với văn bản mới được ban hành. Trong năm 2022, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo Sở Tư pháp phối hợp với các sở, ngành trên địa bàn tỉnh rà soát được 527 VBQPPL[6], ban hành Quyết định số 233/QĐ-UBND ngày 19/01/2022 công bố Danh mục văn bản QPPL hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ hoặc một phần thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của HĐND, UBND tỉnh năm 2021[7]. Đồng thời, qua công tác rà soát thường xuyên, các sở ngành tỉnh đề xuất kiến nghị xử lý đối với 35 văn bản quy phạm pháp luật không còn phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và tình hình thực tế tại địa phương. Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Công văn số 731/UBND-NC ngày 21/02/2022 về việc thực hiện nghiêm việc xử lý văn bản QPPL sau rà soát. Đến nay có 25/35 văn bản đã được xử lý, còn 10[8] văn bản đang tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý. Bên cạnh đó, để có cơ sở cung cấp thông tin cho Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Bình Dương phục vụ kỳ họp thứ 4, Quốc hội khóa XV, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh tiến hành rà soát, báo cáo các khó khăn, tồn tại, hạn chế và kiến nghị hoàn thiện thể chế,

---

[6] 148 Nghị quyết của HĐND; 370 Quyết định của UBND; 09 Chỉ thị của UBND và Chủ tịch UBND.

[7] Kết quả: có 48 văn bản QPPL hết hiệu lực toàn bộ (18 Nghị quyết, 30 Quyết định); 03 văn bản QPPL hết hiệu lực một phần (02 Nghị quyết, 01 Quyết định).

[8] 10 văn bản đang tham mưu UBND tỉnh xử lý:

- Lĩnh vực LĐTB&XH (01): Quyết định số 15/2017/QĐ-UBND ngày 18/7/2017 về việc Quy chế độ phối hợp quản lý lao động người nước ngoài làm việc trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

- Lĩnh vực KHCN (01): Quyết định số 51/2015/QĐ-UBND ngày 10/11/2015 Về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bình Dương.

- Lĩnh vực TNMT (02): Quyết định số 37/2016/QĐ-UBND ngày 30/9/2016 quy định về quản lý và sử dụng quỹ đất do Nhà nước quản lý trên địa bàn tỉnh Bình Dương; Quyết định số 23/2017/QĐ-UBND ngày 25/9/2017Về việc bãi bỏ Khoản 3 Điều 12 Quy định về quản lý và sử dụng quỹ đất do Nhà nước quản lý trên địa bàn tỉnh Bình Dương được ban hành kèm theo Quyết định số 37/2016/QĐ-UBND ngày 30/9/2016 của UBND tỉnh Bình Dương.

- Lĩnh vực NN&PTNT (01): Quyết định số 21/2012/QĐ-UBND Ban hành tiêu chí xác định hộ gia đình chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô nhỏ trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

- Lĩnh vực Nội vụ (01): Nghị quyết số 05/2019/NQ-HĐND ngày 31/7/2019 quy định về chính sách thu hút, chế độ hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh Bình Dương.

- Lĩnh vực Ngoại vụ (02): Quyết định số 64/2008/QĐ-UBND ngày 31/10/2008 Ban hành Quy định về phân cấp và quản lý việc xuất cảnh, nhập cảnh của cán bộ, công chức, viên chức, cán bộ quản lý doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh Bình Dương; Quyết định số 34/2019/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Ngoại vụ tỉnh Bình Dương.

- Lĩnh vực GD&ĐT (02): Quyết định số 54/2012/QĐ-UBND ngày 14/12/2012 Ban hành Quy định về dạy thêm, học thêm trên địa bàn tỉnh Bình Dương; Nghị quyết số 33/2005/NQ-HĐND7 ngày 29/7/2005 về mức thu và sử dụng học phí đào tạo hệ chính quy trình độ Cao đẳng (ngoài Sư phạm).

chính sách pháp luật trong quá trình chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện ở địa phương. Qua rà soát đề xuất xử lý 15 vấn đề có vướng mắc, bất cập trong quy định của các văn bản QPPL Trung ương thuộc các lĩnh vực như công thương, tài nguyên và môi trường, đầu tư…

2. Cải cách thủ tục hành chính

Để tiếp tục đẩy mạnh công tác CCHC trên địa bàn tỉnh, trọng tâm là cải cách TTHC, Ủy ban nhân dân tỉnh đã triển khai, đẩy mạnh việc thực hiện dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ ban hành quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan Nhà nước trên môi trường mạng, tăng cường hiệu quả hoạt động đội hình tình nguyện viên hướng dẫn DVCTT tại Trung tâm Hành chính công tỉnh. Trong năm 2022, tỉnh đã tổ chức Hội nghị trực tuyến sơ kết công tác triển khai thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4.

Nhằm góp phần nâng cao chất lượng giải quyết TTHC và phục vụ ngày càng tốt hơn yêu cầu giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân, Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện thí điểm Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh (IOC) tỉnh Bình Dương tại tầng 1 Trung tâm Hành chính tỉnh và triển khai thành lập Trung tâm Phục vụ Hành chính công tại các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh; đồng thời, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị hỗ trợ, hướng dẫn việc xây dựng Đề án, thành lập và ra mắt Trung tâm Phục vụ hành chính công các huyện, thị xã, thành phố.

a) Kết quả rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC (Số lượng TTHC được rà soát; số lượng TTHC đã được phê duyệt, thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa; đánh giá về cắt giảm chi phí tuân thủ và những hiệu quả sau khi cắt giảm, đơn giản hóa).

Trong năm 2022, tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết. Ủy ban nhân dân tỉnh cũng đã ban hành Kế hoạch số 6843/KH-UBND, ngày 30/12/2021 về rà soát, đánh giá TTHC năm 2022 trên địa bàn tỉnh Bình Dương; theo đó, giao 11 đơn vị cấp tỉnh[9] tổ chức rà soát, đánh giá 28 TTHC đơn lẻ nhằm kịp thời kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền xem xét, quyết định việc sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ những quy định về TTHC không cần thiết, không hợp lý, không hợp pháp, không đáp ứng được các nguyên tắc quy định TTHC tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung (các cơ quan, đơn vị, địa phương đang thực hiện chưa đến thời hạn báo cáo kết quả). Kết quả, đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành 07 quyết định thông qua phương án đơn giản hóa 17 TTHC.

b) Tình hình tổ chức và hoạt động của Bộ phận Một cửa các cấp

Hiện nay 09/09 Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh đã thành lập Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp huyện; đầu tư máy móc, thiết bị, khu vực làm việc phục vụ người dân, doanh nghiệp trong quá trình thực hiện TTHC. Bộ phận Một cửa cấp xã đang triển khai cải tạo, nâng cấp, đầu tư các trang thiết bị hiện đại.

---

[9] Gồm các cơ quan: Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Thông tin và Truyền thông; Y tế; Ban Quản lý các KCN Bình Dương; Khoa học và Công nghệ; Thanh tra; Xây dựng; Công Thương; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Tư pháp; Giáo dục và Đào tạo.

Các sở, ban, ngành đã thực hiện tốt quy chế phối hợp trong giải quyết TTHC theo Quyết định số 2809/QĐ-UBND ngày 27/9/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh. 09/09 Ủy ban nhân dân cấp huyện, 91/91 Ủy ban nhân dân cấp xã đã ban hành quy chế tổ chức, hoạt động và quy chế phối hợp của Bộ phận Một cửa để làm cơ sở triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Về số lượng nhân sự được bố trí tại Bộ phận Một cửa các cấp: nhân sự chính thức là 854 người gồm 119 Trưởng Bộ phận/Giám đốc Trung tâm Phục hành chính công cấp huyện (tỉnh: 19, huyện: 09, xã: 91) và 552 nhân sự tiếp nhận và trả kết quả (tỉnh: 45, huyện: 150, xã: 357); nhân sự dự phòng là 183 người (tỉnh: 27, huyện: 54, xã: 102). Nhân sự chính thức bố trí làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp hiện nay được hỗ trợ 400.000 đồng/người/tháng và hỗ trợ trang bị đồng phục 5.000.000 đồng/người/năm để thực hiện nhiệm vụ tại Bộ phận Một cửa.

c) Kết quả thực hiện số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC

Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức triển khai kết nối, tích hợp, chia sẻ, quản lý dữ liệu số của cơ quan nhà nước nhằm xác thực thông tin khi người dân, doanh nghiệp thực hiện TTHC không phải cung cấp lại hồ sơ, giấy tờ, thông tin, kết quả giải quyết đã được số hóa; đồng thời, được trả và công nhận tính pháp lý của kết quả giải quyết TTHC ký số trong tất cả các giao dịch với cơ quan nhà nước. Thực hiện số hóa và tái sử dụng kết quả số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC có liên quan đến thông tin, giấy tờ cá nhân, doanh nghiệp trong tiếp nhận, giải quyết TTHC để người dân, doanh nghiệp không phải khai báo, cung cấp lại. Thực hiện thí điểm Mô hình hợp nhất Cổng dịch vụ công trực tuyến với Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh thành Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Bình Dương thống nhất, liên thông giữa các cấp từ trung ương đến cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã để đưa vào hoạt động.

d) Kết quả giải quyết TTHC của đơn vị, địa phương trong toàn tỉnh như sau:

- Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC tại Trung tâm Hành chính công tỉnh: Trong năm 2022 (từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/11/2022): tổng số hồ sơ tiếp nhận và giải quyết là 201.720 hồ sơ (199.166 hồ sơ đã giải quyết, 2.554 hồ sơ chưa giải quyết). Trong đó, số lượng hồ sơ giải quyết đúng hạn là 196.719 hồ sơ, chiếm tỷ lệ 98,77%; số lượng hồ sơ trễ hạn đã giải quyết là 2.447 hồ sơ, chiếm tỷ lệ 1,23% và không có hồ sơ đã quá hạn chưa giải quyết.

Số lượng hồ sơ tiếp nhận và giải quyết mức độ 3, mức độ 4 trong 11 tháng năm 2022 là 144.272 hồ sơ (8.205 hồ sơ mức độ 3, 136.067 hồ sơ mức độ 4), chiếm 71,52% trong tổng hồ sơ tiếp nhận và giải quyết. Số hồ sơ tiếp nhận qua bưu chính theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2021 là 2.364 hồ sơ; số hồ sơ được chuyển trả về địa chỉ của người dân qua bưu điện là 57.404 hồ sơ, chiếm 28,82% tổng số hồ sơ đã giải quyết.

Công tác hỗ trợ, hướng dẫn dịch vụ công trực tuyến (từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/11/2022), có 56.427 lượt hướng dẫn, hỗ trợ thực hiện dịch vụ công trực tuyến, gồm 21.497 lượt hướng dẫn của cán bộ, công chức và 35.227 lượt hướng dẫn của tình nguyện viên về tạo tài khoản trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Dịch vụ công tỉnh, nộp hồ sơ trực tuyến; scan hồ sơ và hướng dẫn khác như lấy số thứ tự, vị trí quầy làm việc của các sở, ban, ngành,…).

+ Đối với cấp huyện: 100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện đều được thực hiện thông qua cơ chế một cửa, một cửa liên thông. Năm 2022, Trung tâm phục vụ hành chính công của các huyện, thị xã, thành phố đã tiếp nhận 321.432 hồ sơ TTHC các loại (trong đó, kỳ của năm 2021 chuyển qua là 3.994 hồ sơ); đã giải quyết 314.073 hồ sơ (trong đó, số lượng hồ sơ giải quyết trước hạn và đúng hạn là 313.579 hồ sơ (tỷ lệ 99,84%), quá hạn 494 hồ sơ (tỷ lệ 0,16%); hồ sơ chưa đến hạn giải quyết 4.270 hồ sơ; hồ sơ hủy không hợp lệ, người dân rút hồ sơ, hồ sơ không đủ điều kiện, hồ sơ trả lại cho người dân bổ sung hoàn chỉnh là 3.089.

Nguyên nhân cập nhật hồ sơ giải quyết và trả kết quả trễ hạn trên phần mềm: do phần mềm một cửa điện tử và mạng internet có lúc còn chậm và bị lỗi; một vài công chức, nhân viên đã giải quyết và trả kết quả thực tế đúng hạn nhưng chưa kịp thời luân chuyển và kết thúc hồ sơ trên phần mềm một cửa điện tử. 100% hồ sơ giải quyết quá hạn đã ban hành Thư xin lỗi và hẹn lại thời gian trả kết quả, đồng thời chủ động gọi điện thoại thông báo trước cho người dân về việc trễ hạn và lý do trễ hạn.

Riêng Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai ở các huyện, thị xã, thành phố đã tiếp nhận: 335.426 hồ sơ (trong đó có 9.069 hồ sơ năm 2021 chuyển sang, 326.357 nhận mới), đã giải quyết 314.615 hồ sơ (hồ sơ đúng hạn là 311.290 hồ sơ chiếm tỷ lệ 98,94% và 3.325 hồ sơ trễ hạn, chiếm tỷ lệ 1,06%), cơ quan đã gửi văn bản xin lỗi và hẹn ngày trả kết quả; hồ sơ hủy, trả cho dân chỉnh sửa: 7.492 hồ sơ; chưa đến hạn giải quyết 13.319 hồ sơ.

+ Đối với cấp xã: 100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã đều được thực hiện tại Bộ phận một cửa cấp xã. Năm 2022, 91 xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh đã tiếp nhận 1.082.740 hồ sơ TTHC các loại, đã giải quyết 1.082.688 hồ sơ, trong đó trả trước và đúng hạn 1.082.562 hồ sơ (tỷ lệ 99,99%), quá hạn 126 hồ sơ (tỷ lệ 0,01%), hồ sơ đang giải quyết 52 hồ sơ. Những địa phương có tỷ lệ hồ sơ giải quyết trước và đúng hạn đạt 100% là các xã, phường, thị trấn thuộc thành phố Thủ Dầu Một, thành phố Dĩ An, thị xã Bến Cát, thị xã Tân Uyên, huyện Bàu Bàng và huyện Phú Giáo.

e) Ứng dụng công nghệ thông tin và thực hiện truyền thông, tuyên truyền về cơ chế một cửa, một cửa liên thông

Trong năm 2022, tỉnh tiếp tục chỉ đạo cơ quan, đơn vị cập nhật 737 TTHC chuẩn hóa, 45 TTHC mới, 154 TTHC sửa đổi và 44 TTHC bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của các sở, ban, ngành, địa phương theo Quyết định công bố được ban hành. Tổng số TTHC còn hiệu lực trên địa bàn tỉnh tính đến ngày 05/12/2022 là 1.944 thủ tục (bao gồm: 1.499 TTHC cấp tỉnh; 245 TTHC cấp huyện; 122 TTHC cấp xã; 07 TTHC áp dụng chung; 32 TTHC đặc thù và 39 TTHC đơn vị khác).

Trong năm 2022, thực hiện bố trí 03 khu vực hướng dẫn dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 và duy trì trang thiết bị[10] phục vụ cho việc hướng dẫn thực hiện dịch vụ công trực tuyến tại Trung tâm Hành chính công tỉnh. Từ ngày 15/12/2021 đến ngày 08/12/2022: thực hiện tuyên truyền qua Cổng hành chính công tỉnh Bình Dương trên Zalo, Facebook với 4.498 người quan tâm, theo dõi; đăng 166 bài viết với 15.824 lượt xem. Đồng thời, trả lời 982 tin nhắn của người

---

[10] 24 máy tính, 01 máy scan, 04 photocopy tích hợp scan và 05 máy tính bảng,...

dân, doanh nghiệp liên quan đến việc giải quyết TTHC tại Trung tâm Hành chính công tỉnh.

f) Tổng hợp, cập nhật số lượng TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, đơn vị, địa phương (Tổng số TTHC; chi tiết số lượng TTHC của cơ quan, đơn vị, địa phương): Tổng: 1.958 TTHC, trong đó: tỉnh: 1.563 TTHC; huyện: 262 TTHC; xã: 133 TTHC; lĩnh vực khác 39 TTHC.

g) Kết quả tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức liên quan đến quy định TTHC: Trong năm 2022, tổng số phản ánh, kiến nghị của tỉnh là: 1.602 PAKN, đã xử lý, trả lời: 1.504 PAKN đạt 93,88%, còn 98 PAKN trong hạn giải quyết.

3. Cải cách tổ chức bộ máy

a) Kết quả rà soát, hoàn thiện các quy định về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập tại địa phương

Thực hiện các Thông tư mới của các Bộ, ngành hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện, trong năm 2022 Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành theo trình tự thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của 06 Sở *(Giáo dục và Đào tạo, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Thông tin và Truyền thông, Tư pháp)*. Các sở, ngành còn lại đang trong quá trình xây dựng dự thảo, dự kiến sẽ hoàn thành trong năm 2022 và 6 tháng đầu năm 2023. Ở cấp huyện, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh đang trong quá trình xây dựng, ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các phòng chuyên môn cấp huyện theo quy định tại các Thông tư hướng dẫn của Bộ, ngành và sẽ tiếp tục thực hiện để hoàn thành trong năm 2023.

Đối với đơn vị sự nghiệp công lập, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 25/2022/QĐ-UBND ngày 09/9/2022, trong đó phân cấp cho các sở ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, và cơ cấu tổ chức cho các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định của Nghị định số 120/2020/NĐ-CP và hướng dẫn của một số Bộ, ngành. Đến nay đã ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng cấp tỉnh, các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Tài nguyên và Môi trường.

b) Kết quả rà soát, sắp xếp, tổ chức lại các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập tại địa phương

Năm 2022, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo thực hiện công tác rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy của các cơ quan, đơn vị; triển khai thực hiện Công điện số 209/CĐ-TTg ngày 28/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành quyết định sắp xếp, kiện toàn các phòng, ban, đơn vị trực thuộc của Sở Nội vụ, Sở Tư pháp, Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm, Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh; tách khối Trung học cơ sở của Trường THPT Tân Bình; thành lập Trung tâm Giám

sát điều hành thông minh (IOC) thuộc Sở Thông tin và Truyền thông; tổ chức lại Viện Quy hoạch phát triển đô thị thành Trung tâm Quy hoạch phát triển đô thị thuộc Sở Xây dựng; chuyển chức năng nhiệm vụ xúc tiến đầu tư từ Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Phát triển công nghiệp thuộc Sở Công Thương sang Trung tâm Hỗ trợ doanh nghiệp thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư. Ban hành quy định phân cấp quản lý về tổ chức bộ máy, biên chế và cán bộ công chức viên chức trên địa bàn tỉnh; Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Tư pháp, Nội vụ, Y tế; Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh, Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh; xếp hạng các Trung tâm Y tế huyện, thị xã, thành phố và Bệnh viện Y học cổ truyền thuộc Sở Y tế.

Ủy ban nhân dân tỉnh đã báo cáo theo yêu cầu của các cơ quan Trung ương: Báo cáo đổi mới cơ chế quản lý, tổ chức lại hệ thống đơn vị sự nghiệp công lập; báo cáo chuyên đề về sắp xếp, tổ chức lại và thực hiện tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập; kết quả sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập và giảm biên chế giáo dục y tế giai đoạn 2015-2021, nhu cầu 2022-2026; báo cáo đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp thực hiện xã hội hóa giáo dục trên địa bàn tỉnh; báo cáo về thực hiện các quy định về tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, biên chế, tinh giản biên chế, phân cấp quản lý và thực hiện xã hội hóa; báo cáo sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương.

Nhìn chung, hiện nay cơ cấu tổ chức các cơ quan hành chính ở tỉnh đều đã được sắp xếp kiện toàn đảm bảo tiêu chí quy định tại Nghị định số 107/2020/NĐ-CP. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập, sau quá trình thực hiện sắp xếp theo Nghị quyết 19-NQ/TW và Kế hoạch số 4651/KH-UBND, từ đầu năm 2022 nhiều đơn vị đã được bổ sung chỉ tiêu biên chế để đảm bảo tiêu chí số người làm việc theo quy định của Nghị định số 120/2020/NĐ-CP.

Sau khi sắp xếp, các phòng thuộc Sở, chi cục đều đáp ứng tiêu chí biên chế công chức tối thiểu quy định của Nghị định số 107/2020/NĐ-CP. Tuy vậy, hiện vẫn còn một số phòng, chi cục chưa đáp ứng tiêu chí do khó khăn trong việc sáp nhập với phòng, đơn vị khác có chức năng nhiệm vụ và đối tượng quản lý chuyên ngành đặc thù.

Năm 2022, do xuất phát từ yêu cầu nhiệm vụ để triển khai đẩy mạnh công tác CCHC, chuyển đổi số ở địa phương, nâng cao hiệu quả công tác cải cách thủ tục hành chính, tỉnh đã thành lập Trung tâm Giám sát điều hành thông minh (IOC) và triển khai thành lập 08 Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp huyện, dẫn đến số lượng đơn vị sự nghiệp tăng lên so với trước.

Thời gian tới, tỉnh sẽ tiếp tục sắp xếp, củng cố tổ chức bộ máy, nhân sự các cơ quan, đơn vị sự nghiệp theo quy định, đảm bảo tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và phù hợp với thực tiễn địa phương; gắn với tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng tinh gọn, cơ cấu hợp lý. Đôn đốc xây dựng và ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các sở ngành, phòng chuyên môn cấp huyện theo Thông tư của các bộ, ngành Trung ương.

c) Đánh giá về tình hình quản lý, sử dụng biên chế công chức, viên chức

Ngay từ đầu năm, căn cứ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phê duyệt tổng biên chế năm 2022, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định phân bổ biên chế công chức, số lượng người làm việc và hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập và Hội có tính chất đặc thù tỉnh Bình Dương năm 2022; đồng thời, nhằm đảm bảo yêu cầu biên chế của các đơn vị trong công tác sắp xếp tổ chức bộ máy, Ủy ban nhân dân tỉnh đã điều chỉnh phân bổ số người làm việc và hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của một số cơ quan, đơn vị, địa phương trong quá trình tổ chức thực hiện.

Tỉnh đã báo cáo Bộ Nội vụ việc sử dụng số lượng người làm việc trong các cơ quan, tổ chức thực hiện chức năng quản lý nhà nước; kết quả sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập và giảm biên chế giáo dục y tế giai đoạn 2015 - 2021, nhu cầu 2022 - 2026; kế hoạch biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh Bình Dương năm 2023.

Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân:

Năm 2022, Tỉnh phải tiếp tục thực hiện tinh giản biên chế theo quy định trong khi biên chế giao rất thấp, không đảm bảo nguồn nhân lực cho các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thực hiện nhiệm vụ. Hầu hết các cơ quan hành chính của tỉnh đều có nhu cầu phải bổ sung biên chế để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ do chức năng, nhiệm vụ không giảm trong khi yêu cầu và khối lượng công việc ngày càng tăng; số lượng hồ sơ thủ tục hành chính mà chính quyền các cấp, các ngành phải giải quyết nhiều hơn, phức tạp hơn. Đối với khu vực sự nghiệp, do nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh ngày càng cao, dân số cơ học tăng nhanh phát sinh nhiều vấn đề an sinh xã hội cần quan tâm, đặc biệt là giáo dục và y tế, dẫn đến tình trạng thiếu biên chế giáo viên ở các cấp học, thiếu y bác sĩ ở các bệnh viện.

Công tác tuyển dụng viên chức của tỉnh hiện nay còn khó khăn do thiếu nguồn tuyển dụng đối với sự nghiệp giáo dục và y tế, bên cạnh đó, công tác tuyển dụng viên chức năm 2022 đang được triển khai, do vậy số biên chế sự nghiệp chưa thực hiện vẫn còn nhiều so với biên chế được giao.

Giải pháp khắc phục

Tỉnh sẽ tập trung giao và quản lý biên chế theo quy định, thực hiện tinh giản và cơ cấu đội ngũ công chức, viên chức đảm bảo tinh gọn, hiệu quả, nâng cao chất lượng quản lý và hoạt động sự nghiệp trên địa bàn tỉnh; tiếp tục kiến nghị Trung ương xem xét yếu tố đặc thù của Bình Dương để bổ sung biên chế, làm cơ sở cho tỉnh tuyển dụng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

d) Đánh giá kết quả thực hiện các quy định về phân cấp quản lý nhà nước giữa các cấp chính quyền ở địa phương

Việc phân cấp quản lý nhà nước giữa các cấp chính quyền ở địa phương trong tỉnh thực hiện theo quy định của Trung ương, qua đó giúp cho bộ máy hành chính của tỉnh hoạt động đạt hiệu quả cao; đồng thời phát huy được tính chủ động, sáng tạo của các Thủ trưởng các Sở, ngành, địa phương trong công tác quản lý nhà nước. Từ đó, tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của quản lý nhà nước trong thời kỳ mới.

4. Cải cách chế độ công vụ

a) Kết quả xây dựng, ban hành các quy định về vị trí việc làm của công chức, viên chức

Công tác xây dựng vị trí việc làm được địa phương quan tâm triển khai thực hiện. Đến nay, Ủy ban nhân dân tỉnh đã phê duyệt Đề án vị trí việc làm trong các cơ quan hành chính của tất cả các sở, ban, ngành và 9/9 huyện, thị xã, thành phố. Tuy nhiên, công tác phê duyệt Đề án vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập ở tỉnh gặp nhiều khó khăn, bất cập. Ủy ban nhân dân tỉnh chưa có cơ sở phê duyệt Đề án vị trí việc làm cho các đơn vị sự nghiệp do không có quy định cụ thể danh mục vị trí việc làm cho từng lĩnh vực sự nghiệp đồng thời biên chế cần thiết được xây dựng cho từng vị trí việc làm tăng lên rất nhiều so với biên chế được giao, chủ yếu ở ngành Giáo dục - Đào tạo và Y tế do quy mô trường lớp, học sinh và giường bệnh tăng. Do đó, việc phê duyệt đề án vị trí việc làm nhưng lại không gắn với nhu cầu biên chế thực tế cho các đơn vị thực hiện nhiệm vụ thì không mang lại hiệu quả thiết thực.

Bên cạnh đó, tỉnh tiếp tục chủ động triển khai các nhiệm vụ theo Quyết định số 1046/QĐ-TTg ngày 06/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ và chỉ đạo xây dựng, phê duyệt Đề án vị trí việc làm ngay khi các bộ, ngành ban hành văn bản hướng dẫn theo quy định.

b) Kết quả thực hiện tuyển dụng công chức, viên chức *(thi tuyển, xét tuyển)*

- Tuyển dụng công chức

Thực hiện Kế hoạch số 2145/KH-UBND ngày 20/5/2021 tổ chức thi tuyển công chức tỉnh Bình Dương năm 2021 và Kế hoạch số 425/KH-UBND ngày 25/01/2022 điều chỉnh, bổ sung một số nội dung của Kế hoạch số 2145/KH-UBND ngày 20/5/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch tổ chức thi tuyển công chức tỉnh Bình Dương năm 2021, tỉnh đã tổ chức thi tuyển công chức tỉnh Bình Dương năm 2021 (hoàn tất trong tháng 06/2022), trong đó số thí sinh dự tuyển là 115 thí sinh, số thí sinh trúng tuyển (Khối Nhà nước) là 51 thí sinh.

Kỳ thi tuyển công chức đã được thực hiện công khai, minh bạch, đảm bảo thực hiện tốt việc đăng tải Kế hoạch thi tuyển trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên cổng thông tin điện tử và được niêm yết thông báo tại Trung tâm Hành chính tỉnh các nội dung về tiêu chuẩn, điều kiện, số lượng cần tuyển, thời hạn, địa điểm tiếp nhận phiếu đăng ký dự thi; thông báo công khai danh sách thí sinh đủ điều kiện, không đủ điều kiện dự tuyển; tổ chức ôn tập, hướng dẫn cho các thí sinh dự thi. Do vậy, kỳ thi tuyển công chức của tỉnh đã được tổ chức thực hiện đảm bảo diễn ra công khai, minh bạch theo đúng quy định.

- Tuyển dụng viên chức

Ủy ban nhân dân tỉnh đang triển khai Kế hoạch xét tuyển viên chức sự nghiệp Y tế và sự nghiệp khác đối với 1.262 vị trí. Hiện nay đã hoàn tất công tác chuẩn bị phỏng vấn theo quy định.

Đối với việc tuyển dụng viên chức ngành Giáo dục, Ủy ban nhân dân tỉnh đã phân cấp cho Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã thành phố tổ chức tuyển dụng viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo năm học 2022-2023, kết quả tuyển dụng được 499 viên chức.

Ngoài ra, triển khai thực hiện Kết luận số 71-KL/TW ngày 24/3/2020 và Kết luận số 27-KL/TW ngày 21/02/2022 của Ban Bí thư về xử lý sai phạm trong tuyển dụng, Kế hoạch số 57-KH/TU ngày 20/5/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về rà soát, khắc phục trong công tác tuyển dụng theo Kết luận số 27-KL/TW ngày 21/02/2022 của Ban Bí thư, Ủy ban nhân dân tỉnh đã lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện quyết liệt, khẩn trương, đảm bảo tiến độ thời gian và nội dung theo quy định.

Kết quả: đã ban hành các Quyết định công nhận kết quả kỳ thi tuyển, xét tuyển theo Kết luận số 27-KL/TW của Ban Bí thư đối với công chức: 86/88 trường hợp (có 02 trường hợp không đạt); công nhận xét chuyển thành công chức từ cấp huyện trở lên đối với cán bộ, công chức cấp xã: 06/06 trường hợp; tiếp nhận không qua thi tuyển: 04/05 trường hợp (có 01 trường hợp vắng); thỏa thuận công nhận xét đặc cách viên chức trong công tác tuyển dụng: 253/253 trường hợp.

c) Kết quả thực hiện bổ nhiệm, đề bạt công chức, viên chức

Công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại lãnh đạo quản lý cấp sở và cấp phòng đều được thực hiện đảm bảo các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định. Kết quả như sau:

- Ủy ban nhân dân tỉnh đã bổ nhiệm 15 trường hợp, bổ nhiệm lại 10 trường hợp đối với các chức danh thuộc thẩm quyền;

- Sở Nội vụ đã thỏa thuận bổ nhiệm, bổ nhiệm lại 206 trường hợp đối với các chức danh thuộc thẩm quyền;

Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại đảm bảo số lượng cấp phó theo quy định tại Nghị định số 107/2020/NĐ-CP, Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ và tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định.

Bên cạnh đó, tỉnh tiếp tục triển khai Đề án thí điểm đổi mới cách tuyển chọn lãnh đạo, quản lý. Trong năm 2022, tỉnh đã bổ nhiệm thông qua thi tuyển chức danh lãnh đạo, quản lý: 10 chức danh (gồm 03 chức danh thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân tỉnh và 07 chức danh thuộc thẩm quyền của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện). Việc tổ chức thi tuyển chức danh lãnh đạo, quản lý đã góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, từ công tác tuyển dụng, sử dụng, đánh giá, đào tạo đến bố trí, luân chuyển, điều động, bổ nhiệm, hoàn thiện cơ cấu ngạch, chức danh nghề nghiệp viên chức; đồng thời đẩy mạnh cải cách công vụ, công chức gắn với nâng cao trách nhiệm người đứng đầu các đơn vị, địa phương.

d) Kết quả thực hiện thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm vào các chức danh lãnh đạo tại các cơ quan, đơn vị

Trong năm, tỉnh đã tổ chức thành công kỳ thi nâng ngạch công chức, thi thăng hạng viên chức hành chính tỉnh Bình Dương năm 2022 (hoàn tất trong tháng 11/2022). Kết quả có 103 thí sinh trúng tuyển/125 thí sinh tham dự.

đ) Tình hình chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức tại địa phương

Thực hiện Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính các cấp, trong thời

gian qua, kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính các cấp đã có sự chuyển biến rõ nét, nâng cao chất lượng phục vụ và uy tín của chính quyền các cấp với nhân dân, tổ chức và doanh nghiệp. Xây dựng các cơ quan hành chính nhà nước từ tỉnh đến cơ sở trong sạch, liêm chính, gắn bó, phục vụ nhân dân và doanh nghiệp; phát huy dân chủ, bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân gắn liền với tăng cường kỷ luật, kỷ cương, chấp hành pháp luật. Xây dựng đội ngũ CBCCVC và người lao động trên địa bàn tỉnh có đủ phẩm chất, trình độ, năng lực, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

e) Kết quả thực hiện đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức

Năm 2022, tỉnh đã cử 55 công chức, viên chức đi đào tạo sau đại học ở trong nước (25 thạc sĩ, 02 chuyên khoa cấp II và 28 chuyên khoa cấp I); 18 giáo viên bộ môn giáo dục quốc phòng và an ninh; 19 cán bộ quân sự cấp xã đi học liên thông từ Trung cấp lên cao đẳng (11 người) và từ Cao đẳng lên Đại học (08 người); 33 công chức, viên chức tham gia các khóa bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý cấp sở và cấp huyện; 16 công chức tham dự khóa bồi dưỡng nghiệp vụ Thanh tra viên chính; 05 công chức đi học bồi dưỡng ngạch chuyên viên cao cấp; quyết định gia hạn cho 03 viên chức Trường Đại học Thủ Dầu Một được cử đi nghiên cứu sinh ở nước ngoài. Sở Nội vụ ban hành quyết định cử: 02 công chức tham dự khóa quản lý nhà nước ngạch Kiểm dịch viên thực vật và 03 viên chức tham dự khóa bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp Bảo vệ viên Bảo vệ thực vật hạng III; 07 công chức tham gia khóa bồi dưỡng nghiệp vụ Thanh tra viên; 02 viên chức y tế tham gia các khóa bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ.

Về tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng: Căn cứ kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng năm 2022, tỉnh đã tổ chức 02 lớp bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng lãnh đạo, quản lý cho 152 Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy; 02 lớp bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng lãnh đạo, quản lý cho 188 Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; 25 lớp bồi dưỡng chuyên sâu cho 1.245 lượt công chức cấp xã; 15 lớp bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ cho 1.191 lượt công chức, viên chức các cấp; 02 lớp bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước ngạch chuyên viên chính cho 152 học viên; 04 lớp bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước ngạch chuyên viên cho 327 học viên; 04 lớp bồi dưỡng lãnh đạo quản lý cấp phòng và tương đương cho 267 cán bộ, công chức, viên chức; 01 lớp bồi dưỡng kiến thức cho 150 cán bộ, công chức, viên chức và 01 lớp cập nhật kiến thức Quốc phòng và An ninh cho 268 cán bộ, công chức, viên chức đối tượng 3.

Về tập huấn: Tổ chức 02 lớp tập huấn về văn hóa công sở, kỹ năng giao tiếp ứng xử cho công chức bộ phận một cửa cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã với 211 học viên; 02 lớp tập huấn nghiệp vụ về văn thư, lưu trữ cho công chức, viên chức cấp tỉnh, huyện, xã với hơn 282 học viên; 02 lớp tập huấn triển khai Luật Thanh niên năm 2020 và Chiến lược phát triển thanh niên giai đoạn 2021 - 2030 cho 211 học viên; 01 lớp cập nhật tình hình và tập huấn chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo cho 300 cán bộ, công chức các cấp; 01 lớp phổ biến chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo cho chức sắc, chức việc các tôn giáo và đại diện cơ sở tín ngưỡng cho 444 đại biểu.

g) Tình hình ban hành và kết quả thực hiện các cơ chế, chính sách thu hút người có tài năng vào làm việc tại các cơ quan nhà nước ở địa phương

Hiện nay, tỉnh Bình Dương đang thực hiện chính sách thu hút nhân lực theo Nghị quyết số 05/2019/NQ-HĐND ngày 31/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương Ban hành Quy định về chính sách thu hút, chế độ hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh Bình Dương. Kết quả năm 2022: đã thu hút 02 trường hợp tiến sỹ về tỉnh Bình Dương gồm: Tiến sỹ ngành địa lý và tiến sỹ ngành quản lý đô thị về công tác tại Đại học Thủ Dầu Một.

Tuy nhiên, để chính sách thu hút nhân lực phù hợp với tình hình thực tiễn hiện nay, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các ngành có liên quan xây dựng dự thảo sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 05/2019/NQ-HĐND ngày 31/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh, gửi lấy ý kiến góp ý của các Bộ, ngành Trung ương, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan, đơn vị là đối tượng thụ hưởng chính sách.

5. Cải cách tài chính công

a) Kết quả thực hiện các quy định về quản lý tài chính - ngân sách:

- Tỉnh Bình Dương theo dõi chặt chẽ diễn biến tình hình thu, chi ngân sách nhà nước (NSNN), dự báo và đánh giá những tác động đến nguồn thu NSNN, cập nhật và triển khai đầy đủ, kịp thời các văn bản chỉ đạo của trung ương, của tỉnh về công tác phòng, chống dịch COVID-19 để tham mưu cấp thẩm quyền điều chỉnh, bổ sung các nhiệm vụ chi, điều hành ngân sách kịp thời, phù hợp tình hình thực tế, tháo gỡ khó khăn trong sản xuất kinh doanh.

- Thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương tài chính, ngân sách trong thực thi công vụ. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và công khai, minh bạch trong thu, chi NSNN, quản lý, sử dụng tài sản công, đất đai,...; nâng cao trách nhiệm, hiệu quả sử dụng tài sản, kinh phí từ NSNN.

- Tiến độ, kết quả thực hiện thu – chi ngân sách nhà nước theo kế hoạch được HĐND tỉnh, Chính phủ giao từ đầu năm đến nay, cụ thể như sau:

+ Tổng thu ngân sách nhà nước từ kinh tế - xã hội ước 61.940 tỷ đồng, đạt 105% dự toán Thủ tướng Chính phủ giao và đạt 103% dự toán đầu năm Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh thông qua, bằng 91% so với thực hiện năm 2021;

+ Tổng chi ngân sách địa phương ước thực hiện 22.346 tỷ đồng. Trong đó, chi cân đối ngân sách địa phương ước 20.409 tỷ đồng, đạt 100% so với dự toán đầu năm HĐND tỉnh thông qua; chi từ nguồn trung ương bổ sung có mục tiêu là 1.937 tỷ đồng.

- Kết quả thực hiện kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công: Giá trị giải ngân kế hoạch giao trong năm 2022 đến ngày 01/12/2022 là 4.215 tỷ đồng, đạt 47% so với kế hoạch năm 2022 (Kế hoạch vốn năm 2022 là 8.909 tỷ đồng);

- Tiến độ, kết quả thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước (KTNN) về tài chính, ngân sách: Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành các văn bản báo cáo Bộ Tài chính và KTNN, cụ thể: Báo cáo số 187/BC-UBND ngày 08/7/2022 về kết quả thực hiện kết luận, kiến nghị của KTNN; Báo cáo số 263/BC-UBND và Báo cáo số 264/BC-UBND ngày 03/10/2022 về kết quả thực hiện kết luận, kiến nghị của KTNN. Đồng thời, tỉnh ban hành Công văn số 4489/UBND-VX ngày 29/8/2022 chỉ đạo triển khai thực hiện các kiến nghị của KTNN Chuyên đề huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng chống dịch

Covid-19 và các chính sách hỗ trợ. Bên cạnh đó, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Sở Tài chính thực hiện công khai ngân sách theo quy định[11].

b) Kết quả thực hiện quy định về quản lý, sử dụng tài sản công

- Công tác quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh đã được thực hiện nghiêm túc theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và hướng dẫn của Bộ Tài chính. Việc mua sắm tài sản, trang thiết bị được thực hiện đúng tiêu chuẩn, định mức do Trung ương quy định. Các cơ quan, tổ chức được giao quản lý sử dụng tài sản công có kế hoạch bảo quản, sử dụng tài sản đúng mục đích, đúng quy định của pháp luật; đảm bảo có hiệu quả, tiết kiệm. Việc theo dõi tài sản luôn được các cơ quan, tổ chức, đơn vị chú trọng; định kỳ cuối năm tiến hành kiểm kê tài sản công nhằm xử lý các tài sản hư hỏng (sửa chữa, thanh lý được kịp thời) và thực hiện báo cáo tài sản công hàng năm theo quy định.

- Kết quả sắp xếp, xử lý nhà đất: Ủy ban nhân dân tỉnh đã phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của 67 cơ sở, với tổng diện tích đất 438.779,55 m^2, diện tích sàn sử dụng 250.838,12 m^2, gồm:

+ Thành phố Thủ Dầu Một: 66 cơ sở, với tổng diện tích đất 434.227,55 m^2, diện tích nhà (sàn sử dụng) 249.227,52 m^2;

+ Thị xã Tân Uyên: 01 cơ sở với tổng diện tích đất 4.552 m^2, diện tích sàn sử dụng 1.610,6 m^2.

c) Kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập (*Báo cáo kết quả thực hiện Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và các văn bản có liên quan*)

Trong năm 2022, tỉnh tiếp tục báo cáo về tình hình thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan nhà nước theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP và cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập theo các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006, Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015, Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày

---

[11] Báo cáo số 16/BC-UBND ngày 25/01/2022 của UBND tỉnh về việc báo cáo kết quả thực hiện kết luận, kiến nghị của KTNN; Báo cáo số 26/BC-UBND ngày 09/02/2022 của UBND tỉnh về việc báo cáo kết quả thực hiện kết luận, kiến nghị của KTNN; Thông báo số 54/TB-STC ngày 11/7/2022 của Sở Tài chính về việc công khai tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm 2022 tỉnh Bình Dương; Công văn số 2700/STC-QLNS ngày 21/7/2022 của Sở Tài chính về việc báo cáo kết quả thực hiện vay, trả nợ chính quyền địa phương 6 tháng đầu năm 2022; Báo cáo số 263/BC-UBND ngày 03/10/2022 của UBND tỉnh về kết quả thực hiện kết luận, kiến nghị của KTNN; Thông báo số 86/TB-STC ngày 13/10/2022 của Sở Tài chính về việc công khai tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách nhà nước 9 tháng đầu năm 2022 tỉnh Bình Dương; Thông báo số 108/TB-STC ngày 23/11/2022 của Sở Tài chính về việc công khai tình hình ước thực hiện dự toán thu, chi ngân sách tỉnh Bình Dương năm 2022; Thông báo số 109/TB-STC ngày 25/11/2022 của Sở Tài chính về việc công khai chỉ tiêu, biểu mẫu, thuyết minh làm căn cứ trình HĐND cấp tỉnh quyết định dự toán ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2023.

14/6/2016 và Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 (nay được Chính phủ thay thế bằng Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021)[12].

- Tình hình phối hợp rà soát, tham mưu UBND tỉnh chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập đủ điều kiện thành công ty cổ phần theo lộ trình quy định của Chính phủ: Căn cứ Nghị định số 150/2020/NĐ-CP ngày 25/12/2020 của Chính phủ về chuyển đơn vị sự nghiệp thành công ty cổ phần và Quyết định số 26/2021/QĐ-TTg ngày 12/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ về danh mục ngành, lĩnh vực thực hiện chuyển đơn vị sự nghiệp thành công ty cổ phần, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 1813/QĐ-UBND ngày 29/7/2022 về việc thành lập Ban Chỉ đạo chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần; thực hiện rà soát, đánh giá toàn diện, ban hành danh mục các đơn vị sự nghiệp công lập chuyển thành công ty cổ phần, đảm bảo đầy đủ các điều kiện và tiêu chí theo quy định.

6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

a) Kết quả hoàn thiện thể chế phục vụ xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

Trong năm 2022, Tỉnh ủy, UBND tỉnh Bình Dương đã ban hành các văn bản về xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số như: Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 19/5/2022 của Tỉnh ủy Bình Dương về Chuyển đổi số tỉnh Bình Dương đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 767/QĐ-UBND ngày 30/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai lắp đặt camera giám sát, điều hành giao thông, an ninh trật tự và xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 790/QĐ-UBND ngày 01/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Danh sách mã định danh phiên bản 2.0 các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 937/QĐ-UBND ngày 19/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập Trung tâm Giám sát, Điều hành thông minh tỉnh Bình Dương; Kế hoạch số 2403/KH-UBND ngày 20/5/2022 về việc triển khai thực hiện Đề án nâng cao hiệu quả hoạt động thông tin cơ sở dựa trên ứng dụng công nghệ thông tin đến năm 2025, tầm nhìn 2030; Kế hoạch số 3959/KH-UBND ngày 03/8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh hỗ trợ, thúc đẩy chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt trong các trường học, cơ sở giáo dục và bệnh viện, cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 4862/KH-UBND ngày 19/9/2022 triển khai Tổ công nghệ số cộng đồng tỉnh Bình Dương; Kế hoạch số 5374/KH-UBND ngày 13/10/2022 tổ chức hội nghị và bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Bình Dương năm 2022.

b) Kết quả xây dựng, phát triển các hệ thống nền tảng; xây dựng, phát triển dữ liệu; xây dựng, phát triển các ứng dụng, dịch vụ nội bộ; xây dựng, phát triển ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân, doanh nghiệp:

- Các ứng dụng nền tảng của chính quyền điện tử đang dần được xây dựng hoàn thiện như: Các hệ thống dùng chung và các hệ thống thông tin chuyên ngành đã từng bước hiện thực hóa các thành phần trong kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh

---

[12] Báo cáo số 84/BC-STC ngày 18/3/2022 về tình hình và kết quả thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 43/2006/NĐ-CP và Nghị định số 16/2015/NĐ-CP; Báo cáo số 92/BC-STC ngày 30/3/2022 tổng hợp tình hình triển khai cơ chế tự chủ tài chính của tổ chức khoa học và công nghệ công lập năm 2021; Báo cáo số 100/BC-STC ngày 06/4/2022 về tình hình và kết quả thực hiện Nghị định số 141/2016/NĐ-CP

Bình Dương, với trục kết nối dữ liệu nội tỉnh (LGSP) đóng vai trò kết nối đồng bộ dữ liệu giữa các thành phần trong nội bộ chính quyền điện tử tỉnh Bình Dương và kết nối với các hệ thống Chính phủ điện tử của bộ, ngành, Trung ương, với 11 cơ sở dữ liệu/hệ thống thông tin; có khoảng trên 90 phần mềm nội bộ đang được triển khai. Trung tâm Giám sát, Điều hành thông minh đã được thành lập và đi vào hoạt động, có chức năng thu thập cơ sở dữ liệu chuyên ngành của các cơ quan, đơn vị, phục vụ đắc lực trong quá trình giám sát, điều hành công việc về mọi mặt hoạt động kinh tế - xã hội của lãnh đạo tỉnh.

- Ứng dụng các hệ thống thông tin dùng chung:

+ Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và điều hành công việc và ký số: Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và điều hành đã được triển khai liên thông 4 cấp, với 279 cơ quan sử dụng. Hầu hết các văn bản ban hành qua phần mềm quản lý văn bản đều sử dụng chữ ký số của cơ quan hoặc cá nhân. Tính đến nay, đã cấp được 1.403 chứng thư số cá nhân, 225 chứng thư số cơ quan. Trong năm 2022, đã cấp mới 153 chứng thư số cơ quan; 141 chứng thư số cá nhân.

+ Hệ thống thư công vụ được quản lý, vận hành hoạt động ổn định. Tính đến nay, đã cấp được 7.136 hộp thư điện tử và 297 tài khoản định danh. Trong năm, đã cấp mới 474 hộp thư các cơ quan, 367 chứng thư số cá nhân.

+ Hệ thống Cổng Thông tin điện tử tỉnh: Cổng thông tin điện tử tỉnh đã từng bước nâng cao chất lượng hoạt động, cải tiến về mặt kỹ thuật, nội dung, hình thức, bổ sung, nâng cấp một số chức năng đáp ứng các tiêu chí đánh giá của Bộ Thông tin và Truyền thông và phục vụ nhu cầu sử dụng tại địa phương. Sở đã hoàn thành việc xây dựng Cổng thông tin điện tử tỉnh 3 phiên bản (tiếng Trung, tiếng Hàn, tiếng Nhật) và dự kiến tổ chức Lễ công bố trong quý IV năm 2022. Cổng thông tin điện tử tỉnh đã thực hiện tốt công tác tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; công tác chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo tỉnh; các hoạt động xúc tiến đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp phục hồi sản xuất kinh doanh và người dân bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19. Tuyên truyền chương trình chuyển đổi số và các hoạt động tại Hội thảo khoa học "Tỉnh Bình Dương chặng đường một phần tư thế kỷ: Thành tựu và triển vọng"; Diễn đàn Hợp tác kinh tế châu Á - Ấn Độ Horasis năm 2022.

+ Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến: Trong năm, Sở đã triển khai mới thêm 02 điểm cầu: Trường Chính trị tỉnh, Đảng ủy Khối các cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh. Lũy kế đến nay, có 124 điểm cầu, với 15 điểm cầu cấp tỉnh, 18 điểm cầu cấp huyện, 91 điểm cầu cấp xã. Trong đó, đã tổ chức 160 cuộc họp trực tuyến ở cả 03 cấp (tỉnh, huyện, xã).

c) Kết quả xây dựng, phát triển đô thị thông minh

- Về Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh (IOC): Tham mưu tổ chức Lễ công bố thành lập Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh vào ngày 19/4/2022; thành lập Ban triển khai Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh. Phối hợp với các sở, ngành khảo sát, kết nối dữ liệu và tích hợp lên hệ thống IOC hơn 1.000 chỉ số ở 27 lĩnh vực kinh tế - xã hội của tỉnh. Xây dựng thí điểm ứng dụng App phục vụ người dân và doanh nghiệp; thí điểm nền tảng phân tích dự báo; thí điểm nền tảng AI về nhận dạng khuôn mặt, đám đông và các vi phạm giao thông; xây dựng hoàn thành 7/10 Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành phục vụ cho việc giám sát của Trung

tâm Giám sát, điều hành thông minh. Các huyện, thị xã, thành phố cũng đang triển khai xây dựng, thành lập Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh cấp huyện.

- Hệ thống Đường dây nóng 1022: Sau khi được nâng cấp và mở rộng quy mô tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp, Hệ thống Đường dây nóng 1022 của tỉnh có năng lực tiếp nhận và xử lý từ 3.000 đến 5.000 cuộc gọi/ngày. Trong năm 2022, Hệ thống Đường dây nóng 1022 của tỉnh đã tiếp nhận khoảng 65.287 cuộc gọi trên tất cả các lĩnh vực của các sở, ngành, địa phương, với 54 cơ quan đầu mối, 460 bộ phận xử lý thông tin. Trong đó, tổng số phản ánh, kiến nghị là 2250 câu hỏi; tổng số phản ánh, kiến nghị đã trả lời: 1827 câu hỏi. Tỷ lệ xử lý thông tin hỗ trợ từ người dân, doanh nghiệp đạt 81% trên tổng số phiếu yêu cầu.

- Về Chuyển đổi số: Công tác chuyển đổi số đã được các cấp, các ngành quan tâm triển khai thực hiện; xác định rõ các nội dung, nhiệm vụ trọng tâm cần chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin năm 2022. Đến nay, nhiều cơ quan, đơn vị đã ban hành Kế hoạch; thành lập Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số; Tổ giúp việc Chuyển đổi số; xây dựng Kế hoạch triển khai Tổ công nghệ số cộng đồng với kết quả đạt được ban đầu đã thành lập 585 Tổ công nghệ số cộng đồng với tổng số thành viên là 2.992 người, các Tổ công nghệ số cộng đồng đã được thành lập thuộc thành phần các Tổ của khu, ấp.

- Trong năm 2022, Ủy ban nhân dân tỉnh đã thành lập Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số và Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ xây dựng Thành phố thông minh Bình Dương; thành lập Tổ báo cáo viên Chuyển đổi số cấp tỉnh; xây dựng Kế hoạch triển khai Tổ công nghệ số cộng đồng; Thỏa thuận hợp tác với Tập đoàn công nghiệp - Viễn thông Quân đội về triển khai chuyển đổi số tỉnh Bình Dương đến năm 2025; triển khai thực hiện "Ngày Chuyển đổi số tỉnh Bình Dương".

Theo kết quả đánh giá của Bộ Thông tin và Truyền thông năm 2021, Chỉ số đánh giá chuyển đổi số (DTI) tỉnh Bình Dương có chuyển biến theo chiều hướng tích cực, xếp hạng 22/63 tỉnh thành phố, tăng 09 bậc so với năm 2020 (xếp hạng 31/63 tỉnh thành phố). Các ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp cũng đã được quan tâm, liên tục đầu tư và cải tiến, nhằm tạo ra nhiều phương tiện thuận lợi cho việc giao tiếp giữa người dân, doanh nghiệp với chính quyền ngày càng tốt hơn; tiếp cận thông tin, sử dụng các dịch vụ qua mạng nhằm giảm thời gian và chi phí cho người dân và doanh nghiệp.

d) Kết quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4

- Đối với tỉnh: Cổng Dịch vụ công và phần mềm một cửa điện tử của tỉnh đang tiếp tục được nâng cấp với các tính năng mới, đáp ứng nhu cầu phục vụ của người dân, doanh nghiệp như: Đăng ký lịch hẹn, ChatBot, ký số trên eForm, ký số trên file Pdf, thanh toán trên nền tảng Dịch vụ công quốc gia, thanh toán nghĩa vụ thuế lĩnh vực đất đai, thanh toán trực tuyến đến cấp huyện, cấp xã và rà soát, chuẩn hóa quy trình thủ tục theo quy trình ISO và hệ thống báo cáo. Ủy ban nhân dân tỉnh đã thành lập Đoàn kiểm tra, giám sát, hỗ trợ thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 tại các huyện, thị xã, thành phố để triển khai Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; số hóa hồ sơ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn vị, địa phương giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Dương; thành lập Tổ giúp

việc triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 của các cơ quan nhà nước tỉnh Bình Dương; thực hiện thí điểm triển khai hợp nhất Cổng Dịch vụ công trực tuyến với hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh thành hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh. Tính đến nay, các sở, ngành, cơ quan, đơn vị đã triển khai được 144 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 1.015 dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh.

- Việc triển khai thực hiện dịch vụ bưu chính công ích: Bưu điện tỉnh Bình Dương đã triển khai thực hiện Quyết định số 37/2021/QĐ-TTg ngày 18/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về mạng bưu chính phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước; tăng cường triển khai thực hiện Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích trên địa bàn tỉnh. Trong năm 2022, Bưu điện tỉnh đã tiếp nhận hơn 360.000 hồ sơ và trả kết quả giải quyết 1,1 triệu hồ sơ về thủ tục hành chính công đến địa chỉ theo yêu cầu của người nhận.

(Đính kèm Phụ lục biểu mẫu thống kê số liệu báo cáo CCHC).

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Mặt tích cực

- Nhìn chung, công tác CCHC của tỉnh đã đạt được những kết quả tích cực; Kế hoạch CCHC tỉnh Bình Dương giai đoạn 2021 – 2025 và Kế hoạch CCHC tỉnh Bình Dương năm 2022 ban hành đúng tiến độ; các cấp, các ngành, địa phương căn cứ Kế hoạch CCHC năm 2022 của tỉnh đã cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ và tình hình thực tế để xây dựng và ban hành Kế hoạch của đơn vị, địa phương mình, đảm bảo đầy đủ các nội dung trọng tâm của công tác CCHC.

- Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh quan tâm, chỉ đạo quyết liệt các cấp, các ngành và địa phương triển khai nhiều giải pháp trong công tác CCHC, đặc biệt là cải cách TTHC, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông. Kịp thời phê duyệt, kiện toàn nhân sự một cửa đúng theo tiêu chuẩn, trình độ của Trung ương và tỉnh quy định, đảm bảo hoạt động tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả của Bộ phận Một cửa các cấp. Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các cấp, các ngành và địa phương triển khai các quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Văn phòng Chính phủ về triển khai thực hiện Quyết định số 06/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử; triển khai Hệ thống tiếp nhận, trả lời phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, thực hiện đổi mới cơ chế một cửa, một cửa liên thông, số hóa hồ sơ kết quả giải quyết TTHC và triển khai Quyết định 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

- Các cơ quan ngành dọc đã phối hợp tích cực với các địa phương trong thực hiện TTHC tại Bộ phận Một cửa các cấp. Bên cạnh đó, việc tiếp nhận, trả lời phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp được các đơn vị, địa phương quan tâm đã mang lại lợi ích thiết thực, kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người dân, doanh nghiệp.

- Việc cung cấp 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 đủ điều kiện trên địa bàn tỉnh đã giúp tiết kiệm thời gian, chi phí cho người dân, doanh nghiệp và nâng cao hiệu quả xử lý công việc của các cơ quan hành chính. Tổ chức triển khai đội hình hướng dẫn thực hiện TTHC trực tuyến, kịp thời hỗ trợ người

dân, doanh nghiệp dễ dàng, thuận tiện hơn trong quá trình thực hiện TTHC, từng bước tạo thói quen cho người dân tiếp cận với TTHC trực tuyến và khuyến khích người dân nộp hồ sơ qua mạng.

- Được sự quan tâm chỉ đạo của Bộ Thông tin và Truyền thông, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, các hoạt động thuộc lĩnh vực thông tin và truyền thông tiếp tục có bước phát triển mạnh mẽ, nhất là trong công tác thông tin, tuyên truyền, công tác ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số. Các sở, ngành, địa phương tăng tốc đẩy mạnh chuyển đổi số sâu rộng trong hoạt động chỉ đạo, điều hành, chuyên môn, nghiệp vụ của các ngành, các cấp tiến tới việc triển khai có hiệu quả, đồng bộ kế hoạch chuyển đổi số góp phần thúc đẩy chương trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Nghị quyết của Tỉnh ủy về Chuyển đổi số, Kế hoạch chuyển đổi số do Ủy ban nhân dân ban hành là tiền đề thúc đẩy các ngành, các địa phương trên địa bàn tỉnh xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện trong thời gian tới, đảm bảo lộ trình, tiến độ đã đề ra. Bên cạnh đó, việc chính thức triển khai thực hiện 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 và áp dụng thanh toán không dùng tiền mặt trong giải quyết thủ tục hành chính đã góp phần giảm thời gian, chi phí cho doanh nghiệp và người dân. Với việc chính thức đưa vào vận hành Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh của tỉnh (IOC) đã giúp lãnh đạo tỉnh giám sát, điều hành, hỗ trợ chỉ huy, ra quyết định, quản lý chất lượng dịch vụ một cách tổng thể nhằm phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đồng bộ, toàn diện.

2. Những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

- Việc chia sẻ, kết nối dữ liệu giữa phần mềm một cửa điện tử với các phần mềm chuyên môn, chuyên ngành của các sở, ban, ngành và các Bộ, ngành (Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Tài chính…) chưa được thực hiện nên việc cập nhật dữ liệu còn thủ công, cán bộ, công chức, viên chức phải thực hiện thao tác song song trên các phần mềm dẫn đến mất nhiều thời gian trong tiếp nhận và xử lý hồ sơ, ảnh hưởng đến kết quả giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh. Do đó, ảnh hưởng đến việc đánh giá chất lượng quản trị công trong thực hiện TTHC, cung cấp dịch vụ công.

- Thời gian chốt số liệu báo cáo định kỳ công tác CCHC không trùng với thời gian chốt số liệu báo cáo định kỳ công tác kiểm soát TTHC, gây khó khăn, mất thời gian cho việc tổng hợp số liệu báo cáo ở các mốc thời gian không thống nhất giữa các quy định thực hiện báo cáo.

- Việc quy định thống kê kết quả giải quyết TTHC giữa các bộ, ngành còn khác nhau (ví dụ lĩnh vực sao y, chứng thực thống kê theo từng loại giấy tờ nên một người thực hiện TTHC thì có số lượng hồ sơ sao y, chứng thực lớn) nên có sự chênh lệch lớn trong quá trình nhập dữ liệu phần mềm một cửa và thực tế phát sinh hồ sơ. Việc đối chiếu bản chính và bản gốc còn áp dụng ở nhiều thủ tục, vì thế người dân khi nộp hồ sơ qua bưu điện phải chứng thực hồ sơ (mất thời gian và chi phí để chứng thực hồ sơ).

- Việc triển khai bố trí tiếp nhận TTHC của cơ quan ngành dọc tại Bộ phận Một cửa các cấp chưa có kế hoạch tổng thể định hướng đưa TTHC hoặc cơ quan ngành dọc sẽ tiếp tục bố trí tại Bộ phận Một cửa để địa phương chủ động sắp xếp, bố trí diện tích và nâng cấp Bộ phận Một cửa. Một số TTHC của ngành quân sự bố trí tại Bộ phận Một cửa cấp xã chưa phù hợp.

- Việc quy định về mô hình, cơ chế "đặc thù" của Trung tâm Hành chính công tỉnh chưa có hướng dẫn của Trung ương. Chưa quy định, phân định chức năng nhiệm vụ của TTHCC tỉnh trong hoạt động tham mưu quản lý nhà nước về cơ chế một cửa, một cửa liên thông, kiểm soát TTHC, cải cách TTHC, thực hiện dịch vụ công trực tuyến và chỉ đạo điều hành về cải cách TTHC. Chưa có quy định, hướng dẫn của Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính về các chế độ, chính sách hỗ trợ cho công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa.

- Việc tổ chức mô hình Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp huyện trên thực tế đã phát huy hiệu quả, tuy nhiên, chưa có quy định, hướng dẫn của Trung ương về mô hình này.

- Chưa có quy định, hướng dẫn cụ thể về định mức kinh tế kỹ thuật để làm cơ sở cho việc đấu thầu, xác định khung, đơn giá cho thực hiện một số nhiệm vụ dịch vụ hành chính công như thuê nhân viên bưu điện thay thế cán bộ công chức, viên chức một cửa, định mức giá số hóa văn bản, ký số, số hóa giấy tờ cá nhân.

- Quy định về dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần chưa rõ về TTHC thực hiện vì còn liên quan đến phải lưu hồ sơ giấy, hoặc phải đến trực tiếp để thực hiện.

- Việc triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Nhà nước, xây dựng chính quyền số, bảo đảm an toàn thông tin mạng, phát triển kinh tế số và xã hội số chưa được đẩy mạnh do nguồn lực còn hạn chế, vì vậy cần có những chính sách cụ thể để huy động có hiệu quả các nguồn lực xã hội để đẩy nhanh quá trình thực hiện.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TRỌNG TÂM NĂM 2023

1. Tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 5879/KH-UBND ngày 17/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai dịch vụ công chứng thực bản sao điện tử từ bản chính trên Cổng dịch vụ công Quốc gia trên địa bàn tỉnh Bình Dương; Kế hoạch số 1828/KH-UBND ngày 05/5/2021 về việc triển khai thực hiện số hóa Sổ hộ tịch, xây dựng cơ sở dữ liệu hộ tịch trên địa bàn tỉnh.

2. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến pháp luật để cán bộ, công chức, viên chức, người dân, doanh nghiệp và toàn xã hội nhận thức đúng, đồng thuận và chấp hành các chủ trương, chính sách, nhiệm vụ CCHC của Đảng, Nhà nước và của tỉnh.

3. Tiếp tục triển khai thực hiện các nội dung thuộc Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC theo Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021; kiện toàn bộ phận một cửa các cấp bảo đảm các tiêu chí theo quy định của Trung ương; đẩy mạnh thực hiện dịch vụ công trực tuyến, ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC.

4. Nâng cao tỉ lệ hồ sơ phát sinh dịch vụ công trực tuyến trên cổng dịch vụ công của tỉnh và cổng dịch vụ công Quốc gia, triển khai không nhận hồ sơ giấy, thanh toán phí, lệ phí không dùng tiền mặt khi tiếp nhận và giải quyết dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

5. Tiếp tục thực hiện rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy của các cơ quan hành chính nhà nước các cấp, các đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng tinh gọn, cơ cấu

hợp lý, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và phù hợp với đặc điểm, tình hình, điều kiện thực tiễn của tỉnh. Triển khai thực hiện đúng các quy định của pháp luật về công tác công tác cán bộ. Tổ chức thi tuyển chức danh lãnh đạo, thi tuyển công chức và xét tuyển viên chức trên địa bàn tỉnh.

6. Tập trung triển khai thực hiện các giải pháp để cải thiện và nâng cao Chỉ số CCHC (Par Index), Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS), Bộ Chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử.

7. Tổ chức triển khai đánh giá chỉ số chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh Bình Dương; Ban hành các nội dung, chính sách, khung/mô hình mẫu về chuyển đổi số cho các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh; tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện chuyển đổi số, xây dựng chính quyền điện tử và cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh.

8. Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống giám sát, điều hành 10 bộ chỉ số giám sát, điều hành tình hình kinh tế - xã hội (theo Quyết định số 54/2016/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã) và thực hiện theo dõi, giám sát tại Trung tâm IOC của tỉnh.

9. Phối hợp cùng các cơ quan Trung ương triển khai ứng dụng, tích hợp, chia sẻ cơ sở dữ liệu Quốc gia dân cư, hệ thống định danh và xác thực điện tử, thẻ Căn cước công dân gắn chip điện tử với Cổng Thông tin giải quyết thủ tục hành chính tập trung của tỉnh đối với các thủ tục hành chính thuộc danh mục các thủ tục hành chính thiết yếu ưu tiên tích hợp, chia sẻ dữ liệu dân cư được quy định tại Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

10. Tiếp tục phát triển các ứng dụng, dịch vụ công nghệ thông tin phục vụ chuyên ngành và hoạt động công tác chuyên môn nội bộ cho toàn bộ cơ quan nhà nước cấp tỉnh, huyện, xã để hình thành các dữ liệu số. Triển khai kết nối, chia sẻ với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và thực hiện làm giàu dữ liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước trên địa bàn.

11. Phát triển ứng dụng di động dùng chung của tỉnh; tích hợp, cung cấp các dịch vụ phục vụ cho người dân và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh (Thí điểm App Chính quyền số Bình Dương, App Công dân số Bình Dương).

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Kiến nghị Bộ Tài chính:

a) Sớm ban hành thông tư hướng dẫn thực hiện Nghị định số 60/2021/NĐ-CP để các đơn vị sự nghiệp công lập có cơ sở thực hiện và báo cáo tình hình thực hiện theo quy định. Trong đó, cần có sự thống nhất áp dụng mẫu biểu trong xây dựng phương án tự chủ cũng như thời kỳ ổn định.

b) Xem xét hướng dẫn hoặc tham mưu ban hành, sửa đổi, bổ sung Nghị định số 60/2021/NĐ-CP như sau:

- Tại điểm a khoản 3 Điều 5 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP quy định: Thời gian hoàn thành lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công (tính đủ chi phí tiền

lương, chi phí trực tiếp, chi phí quản lý và khấu hao tài sản cố định, chi phí khác theo quy định của pháp luật về giá) đến hết năm 2021. Hiện nay, một số đơn vị đang trong quá trình xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực của mình trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện, Sở Tài chính và các đơn vị trực thuộc còn gặp khó khăn, lúng túng do một số Bộ, ngành vẫn chưa ban hành định mức kinh tế kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước. Do đó, đề nghị Bộ Tài chính xem xét, điều chỉnh thời gian hoàn thành lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công cho phù hợp.

- Tại khoản 2, Điều 36 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP, đề nghị bổ sung điểm c như sau: "Rà soát, sửa đổi các Thông tư[13] có liên quan đã ban hành trước đây cho phù hợp với quy định của Nghị định này";

- Xem xét về chính sách ưu đãi đối với tổ chức khoa học và công nghệ công lập (do trước đây có chính sách ưu đãi theo Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập).

2. Kiến nghị Văn phòng Chính phủ:

a) Hướng dẫn cụ thể, rõ ràng về mô hình "đơn vị hành chính đặc thù" về tổ chức, biên chế, mối quan hệ, cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền. Cho phép bố trí thêm đối tượng nhân sự một cửa ngoài công chức, viên chức (người hoạt động không chuyên trách, nhân viên hợp đồng tại các đơn vị tự chủ kinh phí,…) và quy định về chế độ chính sách phù hợp cho đối tượng này.

b) Hướng dẫn cụ thể hơn về mô hình Trung tâm Hành chính công cấp tỉnh và mô hình Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp huyện để quy định, hướng dẫn việc thực hiện thống nhất trên cả nước.

c) Ban hành quy định rõ TTHC thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần, làm rõ TTHC nào được lưu hồ sơ điện tử, hồ sơ nào bắt buộc lưu giấy để triển khai thống nhất đến Bộ phận Một cửa các cấp, thống nhất giữa các ngành, địa phương.

d) Ban hành kế hoạch tổng thể đưa TTHC của ngành dọc hoặc đưa cơ quan ngành dọc vào tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa các cấp.

3. Kiến nghị các Bộ, ngành:

a) Hiện nay, TTHC và điều kiện kinh doanh trên một số lĩnh vực vẫn còn chồng chéo, rườm rà, phức tạp, mâu thuẫn, phát sinh thêm là rào cản trong hoạt động sản xuất kinh doanh và đời sống nhân dân được quy định trong các văn bản của Trung ương. Do vậy, đề nghị các bộ, ngành trong quá trình đánh giá tác động và lấy ý kiến, thẩm định đối với các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có quy định về TTHC cần được thực hiện đầy đủ, chặt chẽ.

b) Việc công bố TTHC chưa bảo đảm tính kịp thời, đầy đủ; nhiều thủ tục không còn hiệu lực thi hành nhưng chưa được thay thế từ đó gây khó khăn trong việc công bố danh mục của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Việc công khai trên Cơ sở

---

[13] Kiến nghị sửa đổi Thông tư số 74/2015/TT-BTC ngày 15/5/2015 của Bộ Tài chính liên quan đến chênh lệch thu chi được trích lập quỹ theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP.

Dữ liệu quốc gia về TTHC còn thiếu, trùng hoặc chưa kịp thời so với chính quyết định công bố của bộ, ngành.

c) Thường xuyên cập nhật, chuẩn hóa bộ TTHC theo quy định của ngành thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã theo quy định của các Luật, Nghị định, Thông tư có liên quan (nội dung TTHC được công bố trên Cổng dịch vụ công quốc gia phải đầy đủ, chi tiết, có đính kèm tệp để địa phương chuẩn hóa, công bố nội dung TTHC thống nhất). Đồng thời, quy định rõ từng TTHC có quy trình khác nhau thì chỉ là 01 TTHC duy nhất, tránh tình trạng quy định 01 TTHC (cấp, cấp đổi, cấp lại...) nhưng có quy trình là nội dung 03 TTHC.

d) Tham mưu Thủ tướng Chính phủ có kế hoạch tổng thể đưa TTHC của ngành dọc hoặc đưa cơ quan ngành dọc vào tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa các cấp. Trong đó, tập trung những TTHC có tính chất liên thông, phát sinh nhiều hồ sơ liên quan người dân, tổ chức thuộc thẩm quyền giải quyết giữa cơ quan ngành dọc với các cơ quan chuyên môn các cấp như phòng cháy chữa cháy, thuế, kho bạc, tư pháp… Đồng thời, quy định cụ thể việc phối hợp giữa các cơ quan ngành dọc (Thuế, Hải quan, Kho bạc, Bảo hiểm xã hội, Công an, Quân sự,…) trong giải quyết TTHC (triển khai theo quy định của tỉnh, báo cáo định kỳ, thường xuyên và phối hợp xử lý phản ánh, kiến nghị).

đ) Hướng dẫn chế độ hỗ trợ cho nhân sự làm việc tại Bộ phận Một cửa tương tự như người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị hoặc mức chi phù hợp do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định.

e) Quy định, hướng dẫn cụ thể về định mức kinh tế kỹ thuật để làm cơ sở đấu thầu, xác định đơn giá cho thực hiện một số nhiệm vụ dịch vụ xã hội hóa, bưu chính công ích, số hóa hồ sơ, kết quả, giấy tờ.

g) Quy định và hướng dẫn việc đồng bộ dữ liệu chuyên ngành (dân cư, đăng ký kinh doanh, đất đai, tư pháp,…) giữa các cơ quan Trung ương và địa phương để triển khai việc thực hiện TTHC, tra cứu kết quả giải quyết TTHC mà không phải yêu cầu người dân, doanh nghiệp cung cấp lại.

h) Quy định cụ thể tỷ lệ ngân sách chi hằng năm sử dụng cho chuyển đổi số.

i) Ban hành chính sách tiền lương riêng nhằm đảm bảo giữ chân đội ngũ công chức viên chức chuyên trách cho chuyển đổi số.

Trên đây là Báo cáo công tác CCHC năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2023 của tỉnh Bình Dương, Ủy ban nhân dân tỉnh kính gửi Bộ Nội vụ xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Vụ CCHC- Bộ Nội vụ;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP, NC, TH, HCC, HCTC;
- Lưu: VT, Th.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

Võ Văn Minh

PHỤ LỤC 1

VĂN BẢN CHỈ ĐẠO CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

(Kèm theo Báo cáo số 379/BC-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2022 của UBND tỉnh)

1. Quyết định số 3109/KH-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh Ban hành Kế hoạch Cải cách hành chính nhà nước tỉnh Bình Dương giai đoạn 2021 – 2025;

2. Kế hoạch số 6832/KH-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh về công tác cải cách hành chính tỉnh Bình Dương năm 2022;

3. Kế hoạch số 6843/KH-UBND, ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch Rà soát, đánh giá TTHC năm 2022 trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

4. Quyết định số 3112/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh phê duyệt danh sách công chức, viên chức và nhân sự của các sở, ban, ngành cử làm việc ở Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh năm 2022;

5. Kế hoạch số 3287/KH-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Về việc ban hành Kế hoạch triển khai Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; số hóa hồ sơ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn vị, địa phương giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

6. Kế hoạch số 728/KH-UBND, ngày 21/02/2022 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện các Nghị quyết của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước; cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh năm 2022;

7. Kế hoạch số 998/KH-UBND, ngày 08/3/2022 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch Triển khai công tác cải cách, kiểm soát TTHC; ứng dụng công nghệ thông tin và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC năm 2022 trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

8. Quyết định số 595/QĐ-UBND ngày 10/3/2022 của UBND tỉnh Phê duyệt Kế hoạch truyền thông hoạt động cải cách, kiểm soát thủ tục hành chính; thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và chuyển đổi số năm 2022 trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

9. Kế hoạch số 862/KH-VPUB ngày 05/05/2022 về đo lường sự hài lòng của cá nhân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Bình Dương năm 2022;

10. Kế hoạch số 2113/KH-UBND ngày 09/5/2022 về Kiểm tra hoạt động cải cách TTHC, kiểm soát TTHC và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC năm 2022;

11. Quyết định số 1145/QĐ-UBND ngày 12/5/2022 thành lập Đoàn Kiểm tra hoạt động cải cách TTHC, kiểm soát TTHC và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC năm 2022;

12. Kế hoạch số 2150/KH-UBND ngày 11/5/2022 của UBND tỉnh về Kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2022 trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Phụ lục

BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH ĐỊNH KỲ TẠI CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 379/BC-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2022 của UBND tỉnh Bình Dương)

Biểu mẫu 1

Công tác chỉ đạo điều hành CCHC

STT	Chỉ tiêu thống kê *(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)*	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	**Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành** *(Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)*	**Văn bản**	12	
2.	**Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm** *(Lũy kế đến thời điểm báo cáo)*	**%**	**100%**	
2.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	40	
2.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	40	
3.	**Kiểm tra CCHC**		**-**	
3.1.	Số đơn vị trực thuộc đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	12	
3.2.	Số UBND cấp xã đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
3.3.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%	100	
3.3.1.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	180	
3.3.2.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	180	
4.	**Thanh tra việc thực hiện quy định pháp luật về tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức, viên chức và tổ chức bộ máy** *(thuộc thẩm quyền của Sở Nội vụ)*		**0**	

STT	Chỉ tiêu thống kê *(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)*	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
4.1.	Số cơ quan, đơn vị được thanh tra	%	**3**	
4.2.	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị đã hoàn thành việc thực hiện kết luận thanh tra	%	**33,33%**	1 đơn vị đã hoàn thành, 1 đơn vị chưa kết luận, 1 đơn vị đang thực hiện kết luận: cả 2 đơn vị đều chưa đến thời hạn quy định
5.	**Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao**			
5.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	145	
5.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	126	
5.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0	
5.4.	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	0	
6.	**Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức**	Có = 1; Không = 0	**1**	
6.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	6.530	
6.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	1	
7.	**Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp**	Không = 0 Có = 1	1	

Biểu mẫu 2
Cải cách thể chế

STT	Chỉ tiêu thống kê *(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)*	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	**Tổng số VBQPPL[1] do đơn vị, địa phương ban hành**	Văn bản		
1.1.	Số VBQPPL do sở, ban, ngành ban hành	Văn bản	0	- Các sở, ban, ngành tỉnh không có thẩm quyền ban hành văn bản QPPL. - HĐND tỉnh ban hành 06 VBQPPL - UBND tỉnh ban hành 38 VBQPPL
1.2.	Số VBQPPL do cấp huyện ban hành	Văn bản	-	
1.3.	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản	-	
2.	**Kiểm tra, xử lý VBQPPL**			
2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	20	
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%	0	
2.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản	0	
2.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	
3.	**Rà soát VBQPPL**			

[1] Văn bản quy phạm pháp luật.

STT	Chỉ tiêu thống kê *(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)*	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	327	
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	71,43	
3.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản	35	
3.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	25	

Biểu mẫu 3

Cải cách thủ tục hành chính

STT	Chỉ tiêu thống kê *(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)*	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	**Thống kê TTHC**			
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	17	
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	701	
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	537	
1.4.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại đơn vị, địa phương	Thủ tục	1.958	*TTHC của cơ quan ngành dọc: Theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư 02/2017/TT-VPCP thì UBND tỉnh không có trách nhiệm công bố TTHC của cơ quan ngành dọc do đó việc theo dõi, cập nhật, thống kê TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan này*

STT	Chỉ tiêu thống kê *(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)*	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
				không thực thực hiện được
1.4.1.	*Số TTHC cấp tỉnh (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)*	*Thủ tục*	1.563	
1.4.2.	*Số TTHC cấp huyện (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)*	*Thủ tục*	262	
1.4.3.	*Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)*	*Thủ tục*	133	
2.	**Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông**			
2.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	75	
2.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	156	
2.3.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục	7	
3.	**Kết quả giải quyết TTHC**			
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	98,77	
3.1.1.	*Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong*	*Hồ sơ*	199.166	
3.1.2.	*Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn*	*Hồ sơ*	196.719	
3.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,84%	
3.2.1.	*Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong*	*Hồ sơ*	314.073	
3.2.2.	*Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn*	*Hồ sơ*	313.579	
3.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,99%	

STT	Chỉ tiêu thống kê *(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)*	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.3.1.	*Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong*	*Hồ sơ*	1.082.688	
3.3.2.	*Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn*	*Hồ sơ*	1.082.562	
3.4.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	93,88%	
3.4.1.	*Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)*	*PAKN*	1.602	
3.4.2.	*Số PAKN đã giải quyết xong*	*PAKN*	*1.504*	*Tồn 98 PAKN trong hạn giải quyết*

Biểu mẫu 4

Cải cách tổ chức bộ máy

STT	Chỉ tiêu thống kê *(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)*	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	**Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy**			
1.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	18/18 đơn vị
1.2.	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	
1.3.	Số lượng các ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Ban	1	BQL các KCN
1.4.	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Tổ chức	-	
1.5.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) tại đơn vị, địa phương	Cơ quan, đơn vị	539	
1.5.1.	*Số ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh*	*Cơ quan, đơn vị*	*9*	
1.5.2.	*Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương*	*Cơ quan, đơn vị*	*109*	
1.5.3.	*Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện*	*Cơ quan, đơn vị*	*421*	
1.5.4.	*Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015*	*%*	*0,4%*	*(541-539)*
2.	**Số liệu về biên chế công chức**			
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	1.780	
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	1.662	
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người	118	HĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	8	
2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	32,29%	Năm 2015 là 2.629 biên chế
3.	**Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập**			

STT	Chỉ tiêu thống kê *(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)*	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	**Số liệu**	
3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	23.042	
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	19.785	
3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	25	
3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	15,53%	Tổng số người làm việc 2015 là 27.280

Biểu mẫu 5

Cải cách chế độ công vụ

STT	Chỉ tiêu thống kê *(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)*	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	**Vị trí việc làm của công chức, viên chức**			
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	28	
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	0	
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	
2.	**Tuyển dụng công chức, viên chức**			
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	51	Thi tuyển
2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	31	
2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người	14	
2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	499	Xét tuyển viên chức ngành GD&ĐT
2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	20	
3.	**Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển** *(Lũy kế từ đầu năm)*	Người	**10**	
4.	**Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật** *(cả về Đảng và chính quyền).*			
4.1.	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật.	Người	0	
4.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	3	
4.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	3	
4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	6	

Biểu mẫu 6
Cải cách tài chính công

STT	Chỉ tiêu thống kê *(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)*	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	**Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công**	**%**	**47,31**	
1.1.	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	8.909.000	4215000
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng	4.215.000	Đến ngày 01/12/2022
2.	**Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại cơ quan, đơn vị, địa phương** *(lũy kế đến thời điểm báo cáo)*			Số liệu ĐVSN khối tỉnh
2.1.	Tổng số ĐVSN công lập tại cơ quan, đơn vị, địa phương	Đơn vị	100	
2.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị	15	
2.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	17	
2.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị	54	
2.4.1.	*Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên*	*Đơn vị*	*2*	
2.4.2.	*Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên*	*Đơn vị*	*15*	
2.4.3.	*Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên*	*Đơn vị*	*37*	
2.5.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	14	
2.6.	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần *(lũy kế đến thời điểm báo cáo)*	Đơn vị	0	

Biểu mẫu 7

Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

STT	Chỉ tiêu thống kê *(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)*	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	**Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất**	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	1	
2.	**Xây dựng và vận hành Hệ thống họp trực tuyến** *Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND các huyện.* *Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND cấp huyện, cấp xã.*	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2	2	
3.	**Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia**	%	**100**	
4.	**Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).**	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	2	
5.	**Số liệu về trao đổi văn bản điện tử**			
5.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã		100%	
5.1.1.	*Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh*	%	100%	
5.1.2.	*Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh*	%	100%	
5.1.3.	*Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.*	%	100%	
5.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương *(Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).*	%	100%	
5.2.1.	*Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh*	%	100%	
5.2.2.	*Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp huyện*	%	100%	
5.2.3.	*Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã*	%	100%	

STT	Chỉ tiêu thống kê *(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)*	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
5.3.	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh		100%	
5.3.1.	*Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống*	%	100%	
5.3.2.	*Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống*	%	100%	
5.3.3.	*Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống*	%	100%	
6.	**Cung cấp dịch vụ công trực tuyến**			
6.1.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3	%	100%	
6.1.1	*Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3*	*Thủ tục*	*144*	
6.1.2	*Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3*	*Thủ tục*	*144*	
6.1.3	*Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến*	*Thủ tục*	*74*	
6.2.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4	%	100%	
6.2.1.	*Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4*	*Thủ tục*	*1015*	
6.2.2.	*Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4*	*Thủ tục*	*1015*	
6.2.3	*Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến*	*Thủ tục*	*563*	
6.3.	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	%	96,1%	
6.3.1.	*Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 của địa phương*	*Thủ tục*	*1.159*	
6.3.2.	*Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia*	*Thủ tục*	*1206*	
6.4.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 *(Chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ)*	%	41,27%	
6.4.1.	*Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)*	*Hồ sơ*	*862.085*	

STT	Chỉ tiêu thống kê *(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)*	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	**Số liệu**	
6.4.2.	*Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến*	*Hồ sơ*	355.799	
6.5.	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	100%	
6.5.1.	*Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)*	*Thủ tục*	*741*	
6.5.2.	*Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.*	*Thủ tục*	*741*	